

THÔNG BÁO

Vòng loại quốc gia Hội thi Tin học trẻ toàn quốc lần thứ 31, Trại hè Sáng tạo và Hội thi Tin học trẻ mở rộng năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 315-KH/TWĐTN-KHCN ngày 30/12/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về việc Tổ chức Hội thi Tin học trẻ toàn quốc lần thứ 31, năm 2025; căn cứ tình hình thực tế triển khai Vòng loại quốc gia và kết quả dự thi của các thí sinh, Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ (cơ quan thường trực Ban Tổ chức Hội thi) thông báo kết quả đợt thi thứ hai các bảng A, B, C1, C2, D1 và kết quả đánh giá sản phẩm sáng tạo bảng D2, D3.

Năm nay nhiều tỉnh, thành do ảnh hưởng của việc sắp xếp tổ chức lại các đơn vị hành chính và không được bố trí các nguồn kinh phí cho Hội thi Tin học trẻ nên không tổ chức được Hội thi cấp tỉnh để chọn đội tuyển dự thi Vòng Khu vực. Được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đoàn, nhằm tạo điều kiện cho thí sinh tham gia Hội thi, Trung tâm tổ chức Vòng loại quốc gia đợt thi thứ ba và một số nội dung về Trại hè Sáng tạo và Hội thi Tin học trẻ mở rộng, cụ thể:

1. Kết quả Vòng loại quốc gia đợt thi thứ hai các bảng A, B, C1, C2, D1 và kết quả đánh giá sản phẩm sáng tạo bảng D2, D3

1.1. Công nhận kết quả Vòng loại quốc gia đợt thi thứ hai và lựa chọn thí sinh các bảng A, B, C1, C2, D1 tham gia Vòng Khu vực (có danh sách chi tiết kèm theo):

- Đối với bảng lập trình (Bảng A, bảng B, bảng C1 và bảng C2): Lựa chọn theo thứ hạng từ cao xuống thấp theo từng khu vực (căn cứ điểm thi và thời gian làm bài), số lượng lựa chọn không vượt quá số lượng tối đa đã công bố trong thể lệ. Bảng A không xét chọn đối với các bài thi dưới 120 điểm; Bảng B, bảng C1 và bảng C2 không xét chọn đối với các bài thi dưới 60 điểm.

- Đối với bảng thi sản phẩm sáng tạo khối tiểu học (Bảng D1): Lựa chọn theo thứ hạng từ cao xuống thấp theo từng khu vực (căn cứ điểm thi, thí sinh bằng điểm thi xếp cùng hạng), số lượng lựa chọn không vượt quá số lượng tối đa đã công bố trong thể lệ. Không xét chọn đối với các bài thi dưới 20 điểm. Riêng khu vực miền Trung, do có 05 thí sinh đạt 45 điểm và cùng xếp hạng 20, Ban Tổ chức quyết định chọn thêm 04 thí sinh của bảng thi này.

- Đối với thí sinh đã được chọn tham gia Vòng Khu vực từ đợt thi thứ nhất Vòng loại quốc gia, Ban Tổ chức không xét trường hợp này và lựa chọn bổ sung các thí sinh có thứ hạng kế tiếp.

1.2. Công nhận kết quả và lựa chọn 56 sản phẩm sáng tạo khối THCS (bảng D2) và 24 sản phẩm sáng tạo khối THPT (bảng D3) tham gia Vòng Khu vực (có danh sách chi tiết kèm theo).

1.3. Hội đồng Giám khảo kiểm tra, thẩm định và kết luận hủy kết quả 17 bài thi do vi phạm Quy chế thi đã được ban hành: có dấu hiệu sao chép bài hoặc sử dụng các ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đồng thời không nộp video ghi màn hình làm bài thi hoặc có nộp video ghi màn hình nhưng không thể hiện được quá trình thí sinh lập trình, nộp bài trên Hệ thống tinhocTre.vn.

2. Tổ chức Vòng loại quốc gia đợt thi thứ ba cho các bảng A, B, C1 và C2

2.1. Thời gian đăng ký và hoàn thiện lệ phí dự thi: Đến hết **ngày 30/5/2025**.

2.2. Chương trình tập huấn và phổ biến Quy chế thi:

- Thời gian: 19h00, ngày 02/6/2025 (Thứ Hai).
- Hình thức: Trực tuyến qua nền tảng MS Teams.

Lưu ý: Chương trình được ghi hình và đăng tải trên Hệ thống tinhocTre.vn.

2.3. Thời gian thi chính thức: **Ngày 08/6/2025 (Chủ nhật)**

- Bảng A: Từ 07h30 đến 10h30.
- Bảng B: Từ 13h00 đến 16h00.
- Bảng C1, bảng C2: Từ 13h00 đến 16h30.

2.4. Các quy định về: Giới hạn số lượng đăng ký; nội dung, phương thức thi và số lượng thí sinh “tự do” dự kiến lựa chọn tham gia Vòng Khu vực tương đương với đợt thi thứ hai trong Thẻ lệ Hội thi đã ban hành.

Thông tin cần trao đổi xin liên hệ đồng chí Đoàn Quang Trung, Chuyên viên Phòng Khoa học công nghệ, Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ, email: tainangviet.twd@gmail.com, số điện thoại: 0344 268 982.

3. Tổ chức “Trại hè sáng tạo năm 2025”

3.1. Mục đích

- Tuyển chọn sản phẩm sáng tạo xuất sắc tại trại hè tham gia Vòng Khu vực; hoàn thiện và phát triển sản phẩm sáng tạo bảng D1, D2, D3 đối với sản phẩm đã được lựa chọn vào Vòng Khu vực.

- Rèn kỹ năng, nâng cao kiến thức lập trình cho các thí sinh đã được vào Vòng thi Khu vực các bảng A, B và học sinh mong muốn được học hỏi, trao đổi, chia sẻ kiến thức về lập trình với các chuyên gia giàu kinh nghiệm chuẩn bị cho Hội thi Tin học trẻ những năm sau.

- Tạo không gian học tập bổ ích hấp dẫn, chia sẻ kiến thức và kết nối các học sinh cùng sở thích, đam mê lập trình trong thời gian nghỉ hè.

3.2. Thời gian

Trại hè 1: Từ ngày 24/6 đến 28/6/2025 (Khu vực miền Bắc, miền Trung)

Trại hè 2: Từ ngày 03/7 đến 05/7/2025 (Khu vực miền Nam)

3.3. Địa điểm

- Trại hè 1: Tại tỉnh Vĩnh Phúc dành cho thí sinh và học sinh thuộc khu vực miền Bắc, miền Trung (Thí sinh khu vực miền Trung khi tham gia Trại hè được BTC bố trí thi Vòng Khu vực tại địa điểm Hà Nội).

- Trại hè 2: Tại TP. Hồ Chí Minh dành cho thí sinh và học sinh thuộc khu vực miền Nam.

3.4. Nội dung

Tìm hiểu lập trình, kiến thức nâng cao và luyện tập bài thi ngôn ngữ lập trình Python, C++ và hệ thống thi đấu đối kháng Battle Code. Hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thiện và phát triển sản phẩm sáng tạo bảng D1, D2, D3. (Đối với khu vực miền Nam, Ban Tổ chức tập trung 02 nội dung: Hoàn thiện, phát triển sản phẩm bảng D1, D2, D3 và tìm hiểu về Robotic).

3.5. Hình thức

Tập trung (Trại hè 1); tập trung kết hợp bán trú (Trại hè 2).

Chương trình học được lồng ghép với các hoạt động xây dựng đội nhóm teambuilding, thảo luận về giải thuật toán, thuật toán mới, cách tiếp cận các bài toán lập trình cụ thể hoặc các vấn đề công nghệ. Học theo nhóm trao đổi, thảo luận đưa ra giải pháp hoặc thực hiện các ý tưởng về giải pháp công nghệ với sự hướng dẫn của các chuyên gia.

3.6. Đăng ký tham gia tại địa chỉ: https://bit.ly/TH25_dangkytraihe.

Thông tin cần trao đổi xin liên hệ đồng chí Bùi Thị Huyền, Cán bộ Phòng Khoa học công nghệ, Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ, email: tainangviet.twd@gmail.com, số điện thoại: 0379 500 806.

4. Tổ chức “Hội thi Tin học trẻ mở rộng”

4.1. Mục đích

Mở rộng về nội dung của Hội thi Tin học trẻ toàn quốc thông qua cách tiếp cận về tư duy trong toán học và tư duy về thuật toán. Xây dựng nền tảng vững chắc để học lập trình tham gia vào các bảng thi Hội thi Tin học trẻ toàn quốc và các môn học STEM khác.

4.2. Đối tượng và bảng dự thi

Học sinh Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông, đặc biệt là thí sinh có đam mê về lập trình chưa đạt điểm để tham gia Vòng thi Khu vực Hội thi Tin học trẻ toàn quốc, tương ứng với các bảng thi bảng M1 (Tiểu học), bảng M2 (THCS), bảng M3 (THPT).

4.3. Nội dung

Thi giải toán tư duy các bài toán và tư duy thuật toán phù hợp với các cấp học trên hệ thống thi của Ban Tổ chức.

4.4. Hình thức

Vòng loại quốc gia thi trực tuyến trên hệ thống của Ban Tổ chức vào ngày 15/6/2025. Vòng Khu vực và Chung kết thi trực tiếp cùng thời gian, địa điểm với Vòng Khu vực và Chung kết Hội thi Tin học trẻ toàn quốc lần thứ 31, năm 2025.

4.5. Đăng ký tham gia

Thí sinh đăng ký trực tuyến tại địa chỉ **dangky.tinhocTre.vn** trước ngày 10/6/2025 (*Chi tiết kế hoạch và thể lệ Hội thi kèm theo được công bố trên Hệ thống đăng ký*).

Thông tin cần trao đổi xin liên hệ đồng chí Bùi Thị Huyền, Cán bộ Phòng Khoa học công nghệ, Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ, email: tainangviet.twd@gmail.com, số điện thoại: 0379 500 806.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Minh Triết - Bí thư TWĐ (để báo cáo);
- Lưu VP, KHCN.



GIÁM ĐỐC

Trần Hữu

 KẾT QUẢ ĐỢT THI THỨ HAI CÁC BẢNG A, B, C1, C2, D1
VÒNG LOẠI QUỐC GIA HỘI THI TIN HỌC TRẺ TOÀN QUỐC LẦN THỨ 31, NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số: 82-TB/KHCN ngày 16 tháng 5 năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ)

	Bảng A		Bảng B		Bảng C1		Bảng C2		Bảng D1	
	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng
Miền Bắc	210	40	119,5	40	125	20	80	20	30	20
Miền Trung	195	40	118	40	140	20	126	20	45	24
Miền Nam	120	24	71	40	90	20	60	14	27	20

Thống kê mức điểm sàn và số lượng thí sinh các bảng A, B, C1, C2 và D1 lựa chọn tham gia Vòng Khu vực thông qua đợt thi thứ hai Vòng loại quốc gia năm 2025

I. BẢNG A: LẬP TRÌNH KHỐI TIỂU HỌC

I.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25A-788	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Thạc Vân	2014	430	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25A-766	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đức Hùng	2015	430	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25A-1262	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Đức Minh	2014	425	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
4.	25A-1029	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hùng Anh	2014	420	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25A-785	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Hà Phan	2014	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25A-1078	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Nguyên Giáp	2014	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25A-1312	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Lê Thái Bảo	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25A-1240	Miền Bắc	Bắc Giang	Nguyễn Khánh Bằng	2014	365	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25A-1178	Miền Bắc	Hà Nội	Chu Quang Dũng	2014	335	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25A-712	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Phước Thái	2016	330	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25A-1150	Miền Bắc	Hà Nội	Đàm Khánh Duy	2014	330	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25A-869	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Quang Vinh	2014	310	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
13.	25A-744	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Thành	2014	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25A-935	Miền Bắc	Hà Nội	Phùng Quang Minh	2014	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25A-1021	Miền Bắc	Hà Nội	Chữ Nguyễn Việt Anh	2014	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25A-829	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hùng Anh	2014	295	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
17.	25A-830	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Phạm Hải Phong	2014	285	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25A-1216	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Long	2014	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25A-1304	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Duy	2015	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25A-1100	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Hữu Thành Đạt	2015	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25A-900	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Anh Quân	2014	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	25A-958	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Duy Anh	2015	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	25A-962	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Nhật	2016	255	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	25A-1085	Miền Bắc	Hà Nội	Khuất Thành Nam	2014	255	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25.	25A-815	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Minh Đạt	2014	240	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	25A-787	Miền Bắc	Hà Nội	Tạ Gia Khánh	2015	240	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	25A-1171	Miền Bắc	Hà Nội	Tiêu Hà Tuấn Minh	2016	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	25A-1275	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Minh Hiếu	2014	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	25A-1086	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Tú	2014	235	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
30.	25A-722	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Nguyên Bảo	2014	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	25A-1176	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Đức Thiên Minh	2014	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	25A-762	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Minh Sơn	2014	235	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
33.	25A-1194	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hải An	2014	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	25A-808	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nhật Minh	2014	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	25A-1198	Miền Bắc	Hà Nội	Thiều Nam Phong	2014	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36.	25A-982	Miền Bắc	Hà Nội	Tổng Trần Trung Đức	2015	225	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
37.	25A-1218	Miền Bắc	Bắc Giang	Hoàng Minh Huy	2014	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	25A-886	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Tuấn Minh	2015	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	25A-1148	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Văn Chi Bảo	2014	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	25A-1239	Miền Bắc	Bắc Giang	Vương Quỳnh Chi	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	25A-932	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Khải	2017	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	25A-801	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Thái Anh	2015	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
43.	25A-1270	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quốc An	2015	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	25A-784	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Đức Trí	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	25A-1261	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Anh Vũ	2015	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	25A-1232	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Minh Minh	2014	205	
47.	25A-930	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Khang	2016	205	
48.	25A-1314	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Quang Dũng	2014	200	
49.	25A-906	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lương Hải Khôi	2017	200	
50.	25A-1289	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Quang Phúc Hiếu	2014	200	
51.	25A-749	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Bảo Phúc	2014	200	
52.	25A-823	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Minh Tuệ	2014	195	
53.	25A-1206	Miền Bắc	Bắc Giang	Trần Minh Đức	2015	195	
54.	25A-928	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Tuấn Nam	2015	195	
55.	25A-1201	Miền Bắc	Hải Dương	Trịnh Đình Phúc	2015	195	
56.	25A-884	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Phạm Tuấn Minh	2015	195	
57.	25A-1221	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Thành Vinh	2014	190	
58.	25A-926	Miền Bắc	Bắc Giang	Nguyễn Đăng Khánh	2014	190	
59.	25A-864	Miền Bắc	Hà Nam	Trần Phúc Hưng	2014	185	
60.	25A-1310	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thành An	2015	185	
61.	25A-1020	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Kim Hoàng	2014	185	
62.	25A-1207	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Gia Bảo	2014	185	
63.	25A-1271	Miền Bắc	Hà Nội	Mạc Quang Minh	2014	180	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
64.	25A-961	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Quang	2016	175	
65.	25A-1278	Miền Bắc	Hà Nội	Le Huy Anh	2014	170	
66.	25A-1173	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Vinh	2015	170	
67.	25A-1084	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Duy Tùng	2015	165	
68.	25A-1101	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Tấn Dũng	2015	160	
69.	25A-817	Miền Bắc	Hà Nội	Đinh Hoàng Nam	2015	160	
70.	25A-1065	Miền Bắc	Hải Phòng	Dương Phạm Tùng Anh	2014	160	
71.	25A-968	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Minh	2015	160	
72.	25A-1095	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Sỹ Duy	2015	160	
73.	25A-735	Miền Bắc	Hà Nội	Võ Đức Minh	2015	155	
74.	25A-786	Miền Bắc	Hà Nội	Hồ Trung Dũng	2015	155	
75.	25A-1292	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Nhật Minh	2014	150	
76.	25A-1258	Miền Bắc	Hà Nội	Phùng Quang Minh	2015	150	
77.	25A-1268	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Lê Dương	2015	150	
78.	25A-1244	Miền Bắc	Ninh Bình	Trần Hoàng Hải Đăng	2014	145	
79.	25A-813	Miền Bắc	Hải Dương	Trần Quang Sơn	2014	145	
80.	25A-1039	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hải Anh	2014	145	
81.	25A-798	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Hoàng Minh Quân	2014	145	
82.	25A-1144	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Đức Thành	2014	140	
83.	25A-751	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	2015	140	
84.	25A-898	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Đình Trung Kiên	2015	140	
85.	25A-840	Miền Bắc	Bắc Giang	Trần Anh Quốc	2015	140	
86.	25A-1279	Miền Bắc	Hải Phòng	Ngô Nguyên Khôi	2014	135	
87.	25A-1285	Miền Bắc	Hà Nội	Thạch Đình Quân	2014	135	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
88.	25A-854	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Hoàng Tuấn Anh	2016	135	
89.	25A-1121	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Quang	2015	135	
90.	25A-1163	Miền Bắc	Bắc Ninh	Trịnh Đăng Anh	2015	135	
91.	25A-1133	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Tuấn Khôi	2015	135	
92.	25A-760	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Minh Khang	2015	135	
93.	25A-1267	Miền Bắc	Hải Phòng	Đoàn Thành Công	2015	135	
94.	25A-842	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Bùi Thái Dương	2014	135	
95.	25A-794	Miền Bắc	Quảng Ninh	Vũ Anh Tuấn	2015	135	
96.	25A-1161	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Tuấn Kiệt	2015	135	
97.	25A-713	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Ngọc Linh Chi	2015	130	
98.	25A-1227	Miền Bắc	Hải Phòng	Đồng Văn Đồng	2015	130	
99.	25A-759	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Tú	2015	125	
100.	25A-902	Miền Bắc	Hưng Yên	Trần Tuấn Minh	2014	125	
101.	25A-1301	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Bảo Kiến An	2016	125	
102.	25A-1281	Miền Bắc	Tuyên Quang	Đặng Bá Cường	2014	125	
103.	25A-1205	Miền Bắc	Bắc Giang	Nguyễn Bảo Khánh	2014	125	
104.	25A-1300	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Đức Minh	2014	120	
105.	25A-1228	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Võ Thành Nguyên	2014	120	
106.	25A-1007	Miền Bắc	Hà Nội	Phùng Đăng Minh	2015	120	
107.	25A-748	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đường Chí Minh	2014	120	
108.	25A-1299	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Minh Phúc	2014	120	
109.	25A-1179	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Thái Bảo	2014	120	
110.	25A-753	Miền Bắc	Thái Nguyên	Phùng Đình Kiệt	2014	115	
111.	25A-1055	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Đức	2017	115	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
112.	25A-763	Miền Bắc	Ninh Bình	Bùi Tuấn Kiên	2014	115	
113.	25A-1091	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Nguyễn Bảo An	2014	115	
114.	25A-1172	Miền Bắc	Hà Nội	Phùng Đình Quang Anh	2015	110	
115.	25A-1182	Miền Bắc	Hà Nội	Giang Thạch Lâm	2014	110	
116.	25A-1291	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lã Đỗ Đăng Khoa	2014	110	
117.	25A-1181	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Anh Quân	2014	110	
118.	25A-812	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Anh Khoa	2015	110	
119.	25A-873	Miền Bắc	Hải Dương	Đinh Thị Thảo	2014	110	
120.	25A-882	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Minh Anh	2014	110	
121.	25A-1265	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Minh Huy	2014	110	
122.	25A-871	Miền Bắc	Hải Phòng	Hoàng Minh Đức	2014	110	
123.	25A-1260	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Châu Anh	2014	110	
124.	25A-1116	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Gia Nguyên	2015	110	
125.	25A-903	Miền Bắc	Nam Định	Trần Hoàng Huy	2015	110	
126.	25A-1308	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Đức Anh	2015	110	
127.	25A-1273	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Nhật Gia Huy	2015	110	
128.	25A-1152	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Anh	2015	110	
129.	25A-1111	Miền Bắc	Hưng Yên	Dương Gia Minh	2015	110	
130.	25A-1248	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Bá An	2014	110	
131.	25A-1114	Miền Bắc	Hưng Yên	Trần Như Đăng	2014	110	
132.	25A-809	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tuấn Khôi	2014	110	
133.	25A-1183	Miền Bắc	Hà Nội	Đinh Hải Anh	2014	105	
134.	25A-1047	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hữu Thành	2014	105	
135.	25A-1103	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Phúc Anh	2015	105	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
136.	25A-1226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Trí	2014	100	
137.	25A-943	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đức Hiệp	2014	100	
138.	25A-805	Miền Bắc	Hà Nội	Cung Trí Bảo	2014	100	
139.	25A-772	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Duy Khánh	2014	100	
140.	25A-960	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Trọng Nguyên	2014	100	
141.	25A-850	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Thiện Nhân	2014	100	
142.	25A-1109	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Quang Minh	2014	100	
143.	25A-1166	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Vinh	2014	100	
144.	25A-1126	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Minh Trà	2014	100	
145.	25A-1079	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tuấn Minh	2014	100	
146.	25A-832	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Hoàng Hải	2014	100	
147.	25A-1097	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Văn Hoàng Thành	2015	95	
148.	25A-861	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Danh Khoa	2015	85	
149.	25A-1104	Miền Bắc	Hưng Yên	Lê Phương Giáng My	2014	80	
150.	25A-814	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Trung Quân	2014	35	
151.	25A-776	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Đình Nguyên Khuê	2014	25	
152.	25A-1012	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Minh Tiến	2015	25	
153.	25A-976	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Khôi Nguyên	2015	20	
154.	25A-781	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Duy Bảo Minh	2015	10	
155.	25A-1105	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Đức Sơn	2014	5	
156.	25A-1113	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Anh Tuấn	2016	5	
157.	25A-1008	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Trần Minh Khang	2016	0	
157.	25A-1009	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Bảo Anh	2015	0	
157.	25A-1013	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Nguyễn Minh Đức	2015	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
157.	25A-1015	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hải Nam	2015	0	
157.	25A-1023	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Quang Minh	2015	0	
157.	25A-1064	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Nguyễn Quang Trường	2014	0	
157.	25A-1066	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Trần Quang Đạt	2015	0	
157.	25A-1076	Miền Bắc	Hà Nội	Giang Anh Thư	2014	0	
157.	25A-1107	Miền Bắc	Hưng Yên	Ngô Tiến Thành	2014	0	
157.	25A-1108	Miền Bắc	Hưng Yên	Trịnh Yên Nhiên	2016	0	
157.	25A-1110	Miền Bắc	Hưng Yên	Lê Minh Bảo Ngọc	2014	0	
157.	25A-1112	Miền Bắc	Hưng Yên	Bùi Thái Sơn	2014	0	
157.	25A-1115	Miền Bắc	Hưng Yên	Vũ Sơn Tùng	2016	0	
157.	25A-1146	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đặng Duy An	2014	0	
157.	25A-1149	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Quang Anh	2015	0	
157.	25A-1151	Miền Bắc	Hà Nam	Phạm Bảo An	2015	0	
157.	25A-1167	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hoàng Bảo An	2014	0	
157.	25A-1269	Miền Bắc	Hưng Yên	Quách Minh Vũ	2014	0	
157.	25A-777	Miền Bắc	Hà Nội	Nghiêm Bảo Châu	2014	0	
157.	25A-811	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Ngọc Bảo Khang	2014	0	
157.	25A-837	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Ngọc Duy Bảo	2014	0	
157.	25A-843	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Tiến Lộc	2015	0	
157.	25A-924	Miền Bắc	Hải Dương	Vũ Tiến Dũng	2015	0	
157.	25A-936	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Chí Công	2014	0	
157.	25A-970	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Viết Tâm	2015	0	

Danh sách gồm 181 thí sinh./.

I.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25A-1090	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Nguyên Khang	2014	460	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
2.	25A-757	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Trần Gia Bảo	2014	445	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25A-990	Miền Trung	Đà Nẵng	Lâm Bảo Duy	2014	435	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
4.	25A-852	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Công Khoa	2014	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25A-1249	Miền Trung	Lâm Đồng	Huỳnh Hồ Phương Vy	2014	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25A-831	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Phúc Khang	2014	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25A-876	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Minh Quân	2014	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25A-1118	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Văn Minh Đức	2014	395	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25A-769	Miền Trung	Hà Tĩnh	Lê Thiện Nhân	2014	390	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
10.	25A-912	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nguyễn Tuấn Kiệt	2014	390	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25A-1210	Miền Trung	Lâm Đồng	Dương Nguyên Phúc	2013	390	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25A-1295	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Đức Huy	2014	350	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	25A-1026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Đăng Khoa	2014	350	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25A-1057	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nguyễn Minh Triết	2014	335	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25A-929	Miền Trung	Đà Nẵng	Lương Tùng Quân	2014	315	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
16.	25A-1030	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Thiên Minh	2015	315	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25A-838	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trung Kiên	2014	315	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25A-1283	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Thái Sơn	2014	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25A-971	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Minh Nhật	2014	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25A-1035	Miền Trung	Khánh Hòa	Trần Tuấn Nghĩa	2014	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25A-1256	Miền Trung	Khánh Hòa	Đinh Thiên Bảo	2014	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	25A-816	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Đình Nguyên	2014	290	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	25A-957	Miền Trung	Đà Nẵng	Lã Trần Ngọc Hân	2014	285	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
24.	25A-913	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Hoàng Bách	2014	265	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	25A-860	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quang Thành Đạt	2015	255	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	25A-822	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Phúc	2015	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	25A-767	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Thanh Huy	2015	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	25A-833	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Khải	2014	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	25A-870	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Như Nhật Minh	2016	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	25A-856	Miền Trung	Quảng Nam	Nguyễn Lê Châu	2014	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	25A-1188	Miền Trung	Khánh Hòa	Sử Lê Gia Thịnh	2015	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	25A-1197	Miền Trung	Quảng Trị	Lê Bảo Châu	2014	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	25A-1011	Miền Trung	Đà Nẵng	Hà Nguyễn Tường Vy	2015	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	25A-739	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hoàng Quân	2014	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	25A-756	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Đình Thanh Sơn	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36.	25A-1143	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Phước Thành	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
37.	25A-806	Miền Trung	Đà Nẵng	Tôn Đức Tùng Lâm	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	25A-1024	Miền Trung	Lâm Đồng	Hồ Hữu Khôi	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	25A-855	Miền Trung	Nghệ An	Trần Đức Duy	2014	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	25A-1209	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Đình Huỳnh	2014	210	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thử nhất</i>
41.	25A-963	Miền Trung	Khánh Hòa	Vũ Kỳ Nam	2015	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	25A-1054	Miền Trung	Đà Nẵng	Ho Gia Bao	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	25A-967	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	25A-995	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Đình Tuấn Lâm	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	25A-1195	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Thanh Tùng	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	25A-1019	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Minh Thùy	2014	195 (Thời gian: 01:19:23)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47.	25A-825	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Đắc Khôi	2015	195 (Thời gian: 03:02:24)	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
48.	25A-1017	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Quang	2014	190	
49.	25A-964	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Phạm Gia Bảo	2015	190	
50.	25A-1242	Miền Trung	Đắk Lắk	Võ Lê Nhật Hào	2014	185	
51.	25A-1160	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Minh Phúc	2014	185	
52.	25A-891	Miền Trung	Khánh Hòa	Võ Anh Duy	2014	185	
53.	25A-904	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Anh Đức	2014	185	
54.	25A-734	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Hải Đăng	2015	185	
55.	25A-1031	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Anh Khoa	2015	185	
56.	25A-989	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Minh	2014	185	
57.	25A-914	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Minh Khoa	2015	180	
58.	25A-761	Miền Trung	Thanh Hóa	Dương Chí Dũng	2014	175	
59.	25A-1177	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Thị Ngọc Hân	2014	170	
60.	25A-1063	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Văn Anh Tuấn	2014	165	
61.	25A-974	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Tiến Minh	2014	160	
62.	25A-1189	Miền Trung	Phú Yên	Trần Anh Kiệt	2014	160	
63.	25A-1251	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Linh Trang	2014	160	
64.	25A-1286	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bùi Minh Phong	2014	160	
65.	25A-987	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Minh Hiếu	2015	160	
66.	25A-1174	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Tấn Khải Minh	2014	160	
67.	25A-1247	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Thanh Phú	2014	155	
68.	25A-849	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Trọng Trung Kiên	2015	155	
69.	25A-1175	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Quang Minh	2016	150	
70.	25A-909	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Xuân Vinh	2014	150	
71.	25A-1072	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Viết Khôi Nguyên	2015	150	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
72.	25A-1180	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Tuấn Khải	2014	145	
73.	25A-1184	Miền Trung	Khánh Hòa	Đặng Hoàng Nam	2014	145	
74.	25A-1044	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bá Đạt	2015	140	
75.	25A-1068	Miền Trung	Đà Nẵng	Tạ Gia Bảo	2015	140	
76.	25A-716	Miền Trung	Nghệ An	Bùi An Khang	2014	140	
77.	25A-1073	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Phương Anh	2014	135	
78.	25A-1284	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Phạm Minh Tâm	2014	135	
79.	25A-1215	Miền Trung	Hà Tĩnh	Phạm Quang Vinh	2014	135	
80.	25A-719	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Đoàn Ngọc Ánh	2014	135	
81.	25A-1238	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Nhật Khánh	2014	135	
82.	25A-1033	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Quang Nghĩa	2014	135	
83.	25A-717	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Văn Khoi	2016	135	
84.	25A-872	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Thiên Phong	2014	130	
85.	25A-1074	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Nhật Nguyên	2015	130	
86.	25A-1075	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phạm Thế Trường	2014	125	
87.	25A-1089	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Mai Khôi	2014	125	
88.	25A-1147	Miền Trung	Lâm Đồng	Lê Hồng Linh Đan	2014	125	
89.	25A-721	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Trọng Tú	2014	125	
90.	25A-1243	Miền Trung	Đắk Lắk	Đỗ Quý Tấn Thành	2014	125	
91.	25A-975	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Châu Ngọc Lam	2014	120	
92.	25A-1032	Miền Trung	Kon Tum	Trương Thị Ánh Nguyệt	2015	120	
93.	25A-892	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Bá An	2017	120	
94.	25A-792	Miền Trung	Đà Nẵng	Thái Duy Bảo	2016	120	
95.	25A-890	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Huỳnh Trúc Linh	2014	120	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
96.	25A-1058	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bảo Phúc	2014	115	
97.	25A-1266	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Nhật Minh	2015	110	
98.	25A-1196	Miền Trung	Gia Lai	Trần Lê Gia Đạt	2014	110	
99.	25A-889	Miền Trung	Khánh Hòa	Phùng Thế Phong	2015	110	
100.	25A-1123	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Văn Minh Triết	2014	110	
101.	25A-1250	Miền Trung	Gia Lai	Trần Việt Khoa	2014	110	
102.	25A-1191	Miền Trung	Quảng Trị	Trương Quang Huy	2014	110	
103.	25A-1303	Miền Trung	Quảng Nam	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên	2014	110	
104.	25A-1135	Miền Trung	Gia Lai	Trịnh Nguyên Khang	2014	110	
105.	25A-1298	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Anh Khoa	2014	105	
106.	25A-922	Miền Trung	Gia Lai	Lê Minh Bảo	2015	105	
107.	25A-1140	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Văn Khôi Nguyên	2014	100	
108.	25A-965	Miền Trung	Khánh Hòa	Lê Huỳnh Phúc Nguyên	2015	100	
109.	25A-1122	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Anh Thư	2016	100	
110.	25A-1018	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Lê Anh	2014	100	
111.	25A-1236	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Xuân Phát	2014	100	
112.	25A-1120	Miền Trung	Huế	Nguyễn Quang Phúc	2016	100	
113.	25A-1062	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Quỳnh Lâm	2016	100	
114.	25A-1125	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Nguyên Vũ	2014	100	
115.	25A-1309	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Hoàng Thảo Nhi	2015	100	
116.	25A-1099	Miền Trung	Quảng Nam	Đỗ Xuân Hoàng	2016	100	
117.	25A-1157	Miền Trung	Đắk Nông	Trần Minh Trí	2014	100	
118.	25A-1204	Miền Trung	Gia Lai	Đinh Võ Lan Chi	2014	100	
119.	25A-942	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Khải Nguyên	2014	80	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
120.	25A-1142	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Quỳnh Hương	2016	80	
121.	25A-1092	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Ngọc Anh Khang	2014	65	
122.	25A-938	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Hà Linh	2016	55	
123.	25A-1186	Miền Trung	Khánh Hòa	Lê Quốc Toàn	2015	50	
124.	25A-893	Miền Trung	Khánh Hòa	Phạm Tuấn Minh	2015	20	
125.	25A-1010	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Mộc Miên	2016	20	
126.	25A-1307	Miền Trung	Quảng Nam	Lý Thiên Tuệ	2014	15	
127.	25A-758	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quỳnh Như	2016	10	
128.	25A-1137	Miền Trung	Nghệ An	Phạm Trường Thành	2015	10	
129.	25A-1025	Miền Trung	Nghệ An	Võ Nhật Minh	2014	0	
129.	25A-1067	Miền Trung	Huế	Ngô Tài Nhân Hòa	2014	0	
129.	25A-1155	Miền Trung	Gia Lai	Phan Nguyễn Quốc Tiến	2014	0	
129.	25A-1229	Miền Trung	Quảng Nam	Lê Hoàng Khôi	2014	0	
129.	25A-1313	Miền Trung	Đà Nẵng	Lương Thế Vương	2016	0	
129.	25A-730	Miền Trung	Nghệ An	Đặng Thái Sơn	2015	0	
129.	25A-754	Miền Trung	Nghệ An	Đào Quang Anh	2014	0	

Danh sách gồm 135 thí sinh./.

I.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25A-795	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyễn Hoàng Nam	2015	360	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
2.	25A-807	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đào Minh Quân	2015	335	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25A-768	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Quang Khải	2014	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25A-1094	Miền Nam	Bình Dương	Nguyễn Lê Hoàng Khang	2015	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25A-1185	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Quang Vinh	2015	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25A-923	Miền Nam	Bình Dương	Huỳnh Đoàn Gia Huy	2015	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25A-853	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dương Mạnh Dũng	2014	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25A-863	Miền Nam	Bến Tre	Nguyễn Thành Duy	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25A-1124	Miền Nam	Tiền Giang	Nguyễn Viết Khôi	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25A-828	Miền Nam	Bình Dương	Phạm Đình Bình Minh	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25A-839	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Đăng Khang	2015	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25A-1083	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lữ Gia Bảo	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	25A-736	Miền Nam	Cần Thơ	Phan Nhật Anh	2014	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25A-834	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đào Duy Phan Anh	2015	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25A-1287	Miền Nam	Bình Dương	Trần Quốc Hùng	2014	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25A-1154	Miền Nam	An Giang	Đặng Ngọc Thuận	2014	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25A-911	Miền Nam	An Giang	Phạm Nguyên Thảo	2015	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25A-782	Miền Nam	An Giang	Phước Nguyễn Hoàng Anh	2016	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25A-1293	Miền Nam	An Giang	Nguyễntiến Đạt	2014	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25A-733	Miền Nam	Bình Dương	Phùng Đại Nam	2014	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25A-1203	Miền Nam	Cần Thơ	Le Thanh Tan	2015	145	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	25A-920	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Trần Quốc Hạo Nhiên	2014	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	25A-742	Miền Nam	Bình Dương	Phan Hữu Nhân	2013	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	25A-1038	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nghiêm Tuấn Phong	2015	140	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	25A-1042	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Trần Gia Túc	2015	130	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
26.	25A-802	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Phạm Bùi Quang Minh	2014	125	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
27.	25A-905	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Kiến Phú	2015	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	25A-1302	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Minh Khang	2016	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	25A-1153	Miền Nam	An Giang	Trần Thông Tuệ	2014	110	
30.	25A-846	Miền Nam	Bình Thuận	Trần Lê Uyên Nhi	2014	110	
31.	25A-1162	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Minh Triết	2014	110	
32.	25A-780	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần An	2014	105	
33.	25A-1156	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Hoàng Kiên	2014	100	
34.	25A-1288	Miền Nam	Tiền Giang	Nguyễn Hoàng Quốc Bảo	2014	100	
35.	25A-878	Miền Nam	Cần Thơ	Ngô Gia Nguyên	2014	100	
36.	25A-1230	Miền Nam	Bình Thuận	Trần Đoàn Trúc Chi	2014	100	
37.	25A-1272	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Hồng Quân	2014	90	
38.	25A-718	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Hồ Hoài An	2014	60	
39.	25A-1245	Miền Nam	Bình Phước	Đỗ Minh Khang	2014	35	
40.	25A-888	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Phạm Trung Kiên	2014	30	
41.	25A-1096	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Đỗ Trọng Quý	2014	10	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
42.	25A-1217	Miền Nam	Bình Dương	Tạ Quý Khôi	2015	0	
42.	25A-790	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Trần Hồng Trang My	2015	0	
42.	25A-859	Miền Nam	Bình Thuận	Tran Thanh Thanh	2015	0	
42.	25A-877	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Phước Minh Tâm	2014	0	
42.	25A-880	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Hoàng Tiến Minh	2014	0	

Danh sách gồm 46 thí sinh./.

II. BẢNG B: LẬP TRÌNH KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

II.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25B-1028	Miền Bắc	Hà Nội	Đoàn Nhật Phước	2010	269	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25B-959	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nam Phong	2012	263	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25B-693	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Gia Huy	2011	255	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25B-705	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Trí Dũng	2010	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25B-1095	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Minh Tiệp	2010	238	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25B-1180	Miền Bắc	Vĩnh Phúc	Phạm Hoàng Tùng	2010	224	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25B-789	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hoàng Hải Nam	2012	200	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
8.	25B-956	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Phạm Minh Quang	2012	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25B-1195	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hải Phong	2010	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25B-890	Miền Bắc	Nam Định	Nguyễn Trần Lâm Huy	2011	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25B-719	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Khôi Nguyên	2011	196	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
12.	25B-979	Miền Bắc	Nam Định	Nguyễn Vũ Tùng Anh	2011	196	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	25B-942	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Hải Long	2011	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25B-864	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tuấn Minh	2011	194	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25B-694	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Duy Hoàng Linh	2010	193	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25B-1137	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Tuấn Kiệt	2011	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25B-647	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Việt Bách	2011	187	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25B-1164	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Đăng Khoa	2011	174	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25B-964	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Hải Dương	2012	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25B-782	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Minh Quân	2012	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25B-939	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Anh Minh	2011	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	25B-1142	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Quỳnh Anh	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	25B-896	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quốc Thái	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
24.	25B-866	Miền Bắc	Ninh Bình	Phạm Quang Thiện	2011	150	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
25.	25B-1169	Miền Bắc	Hải Dương	Vũ Tùng Lâm	2011	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	25B-1141	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Trung Hiếu	2013	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	25B-1060	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Huy Tùng	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	25B-843	Miền Bắc	Hải Dương	Phạm Gia Bảo	2012	148	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	25B-790	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Lê Hải Long	2010	140	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
30.	25B-854	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trúc Oanh	2011	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	25B-965	Miền Bắc	Hà Nội	Hồ Thanh Phong	2010	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	25B-919	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Khoa Nguyên	2011	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	25B-726	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Minh	2012	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	25B-646	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Hải Lâm	2010	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	25B-901	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Vương Trí Dũng	2011	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
36.	25B-930	Miền Bắc	Bắc Giang	Nguyễn Phúc An	2011	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37.	25B-716	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Đức Minh	2012	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	25B-891	Miền Bắc	Hà Nội	Hồ Sỹ Nam	2013	131	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	25B-1157	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Quang	2013	126	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	25B-729	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Đức Hoàng Khôi	2013	124	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	25B-1117	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Lê Anh	2011	121	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	25B-1155	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Hải Long	2013	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	25B-921	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Anh Đức	2012	119,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	25B-941	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Minh Ngọc	2012	116	
45.	25B-836	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Bảo An	2011	114	
46.	25B-813	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Duy Phương	2011	114	
47.	25B-1102	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Mạnh Quân	2013	112,500	
48.	25B-1204	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đình Duy Minh	2013	112	
49.	25B-907	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Nam Khánh	2011	111	
50.	25B-888	Miền Bắc	Hà Nội	Minh Đức Nguyễn	2011	110	
51.	25B-1110	Miền Bắc	Hải Phòng	Phạm Huy Bảo Long	2011	108	
52.	25B-632	Miền Bắc	Hải Phòng	Tạ Gia Lộc	2013	108	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
53.	25B-863	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Bình An	2011	106,500	
54.	25B-1042	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Nam Phong	2012	106,500	
55.	25B-1066	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Thành An	2011	106	
56.	25B-1193	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hải Đông	2011	106	
57.	25B-840	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Nguyễn Chí Duy	2011	106	
58.	25B-733	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thế Quang	2011	104,500	
59.	25B-803	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Bá Đình	2012	104	
60.	25B-915	Miền Bắc	Hà Nội	Tô Hoàng An	2012	101	
61.	25B-1158	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Tùng	2013	100	
62.	25B-1013	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Vũ Nam	2012	100	
63.	25B-933	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Lý Châu Long	2012	95	
64.	25B-795	Miền Bắc	Hải Phòng	Trịnh Hải Phong	2011	94	
65.	25B-950	Miền Bắc	Hà Nội	Thang Vĩnh Phúc	2013	93	
66.	25B-1186	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Tuấn Khôi	2012	93	
67.	25B-636	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hoàng Anh Vũ	2012	92	
68.	25B-1208	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Văn Khánh Duy	2013	91,500	
69.	25B-977	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Nam Khánh	2011	91	
70.	25B-1055	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Minh	2012	91	
71.	25B-1100	Miền Bắc	Hải Phòng	Đào Minh Khang	2011	90,500	
72.	25B-914	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Cao Hoàng Quân	2012	90	
73.	25B-1109	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Khánh Hải	2011	90	
74.	25B-968	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Thái An	2012	90	
75.	25B-1099	Miền Bắc	Hải Phòng	Lê Thế Vũ	2011	90	
76.	25B-825	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Kỳ Sâm	2013	88	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
77.	25B-1196	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đỗ Tuệ Nhân	2012	87,500	
78.	25B-770	Miền Bắc	Hải Dương	Nguyễn Thái Sơn	2012	87	
79.	25B-1119	Miền Bắc	Hà Nội	Hà Đông Tiểu Phong	2011	85	
80.	25B-1059	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Quỳnh Anh	2011	84	
81.	25B-1035	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Viết An	2013	83,500	
82.	25B-654	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Gia Bách	2012	81	
83.	25B-747	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Bảo Nam	2011	80	
84.	25B-1160	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Khánh Vinh	2013	80	
85.	25B-1084	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Việt Dương	2011	80	
86.	25B-778	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Tuấn Khôi	2012	80	
87.	25B-1202	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Duy Quang	2011	80	
88.	25B-700	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Minh Hiếu	2012	80	
89.	25B-1045	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Gia Hiếu	2012	80	
90.	25B-759	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Quyết Tiến	2011	79	
91.	25B-844	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Gia Bảo	2011	77	
92.	25B-992	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Bá Khoa	2010	73,500	
93.	25B-1139	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Minh	2012	72	
94.	25B-830	Miền Bắc	Bắc Giang	Nguyễn Lê Thành Vinh	2012	69	
95.	25B-976	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Nhật Minh	2012	69	
96.	25B-796	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hiếu Minh	2013	67,500	
97.	25B-913	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Mạnh Hùng	2012	66,500	
98.	25B-810	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Lâm Vũ	2011	66,500	
99.	25B-638	Miền Bắc	Hải Dương	Đoàn Minh Vương	2011	65,500	
100.	25B-1154	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Khiêm	2013	65	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
101.	25B-781	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Huy Hoàng	2012	65	
102.	25B-973	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Đức Lộc	2012	65	
103.	25B-1098	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Vũ Bảo Nhân	2011	65	
104.	25B-899	Miền Bắc	Hà Nội	Chu Tuấn Long	2013	65	
105.	25B-1052	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Mạnh Khôi	2013	65	
106.	25B-847	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Hoàng Dũng	2013	65	
107.	25B-1101	Miền Bắc	Hải Phòng	Đỗ Đức Khang	2011	65	
108.	25B-916	Miền Bắc	Hà Nội	Giản Gia Huy	2011	64	
109.	25B-857	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Huy	2013	60	
110.	25B-894	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Vũ Phong	2012	57,500	
111.	25B-1156	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Bảo Nam	2013	55	
112.	25B-1025	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Lâm Thiện	2012	31,500	
113.	25B-904	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thu Giang	2011	27,500	
114.	25B-903	Miền Bắc	Hưng Yên	Đỗ Nam Phong	2011	27,500	
115.	25B-1106	Miền Bắc	Hải Phòng	Phạm Gia Bảo	2011	20	
116.	25B-1075	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Ngọc Trường Vinh	2012	20	
117.	25B-934	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tiến Huy	2013	15	
118.	25B-1175	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Gia Bảo	2012	12,500	
119.	25B-1057	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Minh Nhật	2012	12,500	
120.	25B-998	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thành Hưng	2011	2,500	
121.	25B-947	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hữu Đăng Dương	2012	2,500	
122.	25B-1024	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Bình Minh	2011	0	
122.	25B-1189	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Anh Quân	2013	0	
122.	25B-1206	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Vũ Quang Minh	2011	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
122.	25B-643	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thanh Tùng	2013	0	
122.	25B-772	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Phúc Khang Theodore	2011	0	
122.	25B-897	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Anh	2013	0	
122.	25B-911	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hải Nam	2012	0	
122.	25B-931	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Minh Hải	2012	0	
122.	25B-978	Miền Bắc	Hà Nội	Tăng Thế Long	2012	0	

Danh sách gồm 130 thí sinh./.

II.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25B-949	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Bảo Khánh	2012	251	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
2.	25B-962	Miền Trung	Kon Tum	Trương Anh Tuấn	2011	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25B-1207	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Nguyễn Minh Hiếu	2010	249	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25B-1172	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hồ Bảo Châu	2013	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25B-788	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Anh Quân	2010	217	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25B-1122	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Bình Minh	2011	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25B-929	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Nhân Danh	2012	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25B-886	Miền Trung	Đắk Lắk	Trần Thanh Tùng	2011	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25B-974	Miền Trung	Thanh Hóa	Dương Đình Đức Hoàng	2010	189	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25B-1199	Miền Trung	Đắk Lắk	Đỗ Nguyễn Gia Bảo	2011	186	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25B-1077	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Minh Khang	2010	186	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25B-948	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Khải Nguyên	2011	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	25B-917	Miền Trung	Quảng Trị	Phạm Phú Bình	2010	183	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25B-1096	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Sơn	2011	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25B-779	Miền Trung	Lâm Đồng	Lý Nhật Huy	2011	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25B-982	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trung Hải Phong	2011	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25B-1032	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Hoàng Bảo Long	2013	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25B-1087	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Anh Quân	2012	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25B-760	Miền Trung	Quảng Bình	Lê Vũ Nhật Minh	2010	169	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25B-735	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Viết Hưng	2012	167,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25B-879	Miền Trung	Đà Nẵng	Dương Thiệu Khang	2013	162	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	25B-1184	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Thắng Long	2010	161	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	25B-1136	Miền Trung	Gia Lai	Trịnh Quang Hưởng	2012	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	25B-753	Miền Trung	Quảng Bình	Lê Đình Quân	2010	158	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	25B-1115	Miền Trung	Quảng Trị	Hoàng Minh Khánh	2010	153	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	25B-1128	Miền Trung	Quảng Bình	Lưu Minh Khang	2013	150,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	25B-1043	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Thanh Tuấn	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	25B-906	Miền Trung	Đà Nẵng	Đinh Ngọc Diễm	2010	146	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thử nhất</i>
29.	25B-706	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyễn Anh Khôi	2011	146	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	25B-736	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hồ Linh Chi	2012	143	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	25B-1162	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Thành Nam	2010	142	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	25B-927	Miền Trung	Đắk Nông	Lâm Trương Bảo Ngọc	2010	142	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	25B-1104	Miền Trung	Nghệ An	Hoàng Tô Đức Thắng	2010	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	25B-725	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Vũ Gia Huy	2011	137,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	25B-1078	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Huy Quang	2011	137,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36.	25B-1014	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Nguyễn Tuấn Anh	2011	132	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
37.	25B-1140	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Huy Hoàng	2010	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	25B-994	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Hoàng Phong	2013	126	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	25B-876	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Quang Minh	2011	126	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	25B-871	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Gia Khiêm	2013	124	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	25B-1004	Miền Trung	Huế	Nguyễn Phúc Thuận	2011	118 (Thời gian: 02:55:22)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	25B-1201	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Chí Vỹ	2010	118 (Thời gian: 03:46:24)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	25B-653	Miền Trung	Quảng Trị	Lê Chấn Hào	2010	118 (Thời gian: 04:06:25)	
44.	25B-1019	Miền Trung	Ninh Thuận	Võ Thế Hào	2011	116	
45.	25B-990	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Anh Thư	2012	116	
46.	25B-826	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Phúc	2012	116	
47.	25B-1065	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Đức Phở	2012	114,500	
48.	25B-969	Miền Trung	Khánh Hòa	Lâm Văn Thanh Hải	2010	114	
49.	25B-740	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Anh Kiệt	2013	113	
50.	25B-1108	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Minh Kiệt	2011	112	
51.	25B-1177	Miền Trung	Gia Lai	Phùng Hồ An Khôi	2011	112	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
52.	25B-1131	Miền Trung	Gia Lai	Trịnh Hoàng Huy	2013	111	
53.	25B-660	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Gia Khang	2013	108,500	
54.	25B-1034	Miền Trung	Quảng Nam	Nguyễn Cao Anh Minh	2013	108	
55.	25B-1072	Miền Trung	Quảng Trị	Đoàn Trí Quân	2010	108	
56.	25B-1081	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Hoài Anh	2013	108	
57.	25B-928	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Quang Nhật	2012	108	
58.	25B-1143	Miền Trung	Khánh Hòa	Trần Tuấn Khang	2010	108	
59.	25B-1071	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Anh Bảo	2011	106	
60.	25B-793	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Nguyên Khang	2013	106	
61.	25B-1002	Miền Trung	Đắk Lắk	Chu Văn Gia Phước	2011	106	
62.	25B-698	Miền Trung	Đắk Lắk	Ngô Đăng Tuấn Anh	2011	106	
63.	25B-1037	Miền Trung	Quảng Trị	Nguyễn Văn Ngọc Phúc	2012	106	
64.	25B-802	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quốc Bảo	2013	101,500	
65.	25B-967	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Kim Long	2011	100	
66.	25B-704	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Phương Anh	2013	100	
67.	25B-637	Miền Trung	Đắk Lắk	Hoàng Minh Dương	2011	98	
68.	25B-1011	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thành An	2011	98	
69.	25B-1123	Miền Trung	Huế	Nguyễn Khắc Hưng Nam	2011	95	
70.	25B-709	Miền Trung	Lâm Đồng	Võ Gia Minh	2011	94	
71.	25B-703	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	2012	93,500	
72.	25B-983	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Phước Minh Huy	2011	93,500	
73.	25B-1168	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyên Khang	2011	92,500	
74.	25B-769	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Vũ Lâm	2012	92	
75.	25B-1092	Miền Trung	Nghệ An	Trần Võ Lâm	2013	91	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
76.	25B-696	Miền Trung	Đà Nẵng	Hưng Nguyễn	2012	91	
77.	25B-1111	Miền Trung	Kon Tum	Trần Quang Minh	2012	90,500	
78.	25B-1090	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Đình Nhật	2010	90	
79.	25B-1146	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Phong Châu	2010	90	
80.	25B-1181	Miền Trung	Khánh Hòa	Trương Tuấn Kiên	2013	90	
81.	25B-1151	Miền Trung	Kon Tum	Võ Ngọc Đức	2011	90	
82.	25B-765	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đào Đăng Khôi	2013	90	
83.	25B-702	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Đức Duy	2013	89	
84.	25B-997	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Công Lâm	2010	88,500	
85.	25B-1041	Miền Trung	Khánh Hòa	Lê Huỳnh Phúc Hưng	2012	88	
86.	25B-695	Miền Trung	Khánh Hòa	Trần Hải Đăng	2012	87,500	
87.	25B-804	Miền Trung	Hà Tĩnh	Hoàng Quốc Thiện	2010	86	
88.	25B-731	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Huy Khải	2013	85	
89.	25B-1127	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đình Mạnh Dũng	2012	85	
90.	25B-1138	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Quang Thành	2012	85	
91.	25B-918	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Minh Vũ	2011	85	
92.	25B-745	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Hoàng Kiên	2011	85	
93.	25B-689	Miền Trung	Nghệ An	Đậu Anh Hiếu	2012	84	
94.	25B-1197	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Văn Mạnh	2012	81	
95.	25B-985	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đoàn Minh Thư	2013	80	
96.	25B-881	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Gia Huy	2010	80	
97.	25B-963	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Hoàng Việt	2011	80	
98.	25B-829	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Phước Minh Hùng	2013	80	
99.	25B-1006	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Đình Minh Khôi	2012	80	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
100.	25B-1038	Miền Trung	Khánh Hòa	Đoàn Công Duy	2013	80	
101.	25B-868	Miền Trung	Huế	Phạm Phúc Nguyên	2012	79,500	
102.	25B-1148	Miền Trung	Quảng Nam	Nguyễn Tường Nhật Nam	2013	78,500	
103.	25B-743	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phan Huy Hoàng	2012	78,500	
104.	25B-1132	Miền Trung	Gia Lai	Lê Quang Liêm	2013	77	
105.	25B-721	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Quốc Đại Việt	2012	76	
106.	25B-889	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Duy Tường	2011	73	
107.	25B-785	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Thanh Thuận	2011	71	
108.	25B-935	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Trọng Gia Bảo	2011	70,500	
109.	25B-1145	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Duy Đạt	2010	69	
110.	25B-746	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Quân	2013	69	
111.	25B-940	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Gia Huy	2012	67,500	
112.	25B-739	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Thọ Huy Anh	2012	65	
113.	25B-1094	Miền Trung	Khánh Hòa	Trần Lương Bách	2011	65	
114.	25B-1080	Miền Trung	Hà Tĩnh	Phan Lê Hiếu	2011	62,500	
115.	25B-824	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Văn Vũ Minh	2013	62,500	
116.	25B-635	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Hoàng Quân	2011	60	
117.	25B-834	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Khang	2010	57,500	
118.	25B-815	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Hữu Hoàng	2013	57,500	
119.	25B-952	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hồng Phúc	2013	53,500	
120.	25B-991	Miền Trung	Khánh Hòa	Vũ Như Hoàng Minh	2012	52,500	
121.	25B-732	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Thiên Phúc	2012	52	
122.	25B-926	Miền Trung	Quảng Bình	Phạm Trần Khôi Nguyên	2013	50	
123.	25B-1000	Miền Trung	Đắk Lắk	Đào Văn Giàu	2010	35,500	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
124.	25B-1026	Miền Trung	Quảng Trị	Nguyễn Tuấn Khôi	2012	29,500	
125.	25B-1030	Miền Trung	Hà Tĩnh	Bùi Đình Hiếu	2011	28	
126.	25B-1135	Miền Trung	Gia Lai	Lê Minh Huy	2013	27,500	
127.	25B-1120	Miền Trung	Khánh Hòa	Trần Trung Nam	2011	25	
128.	25B-1152	Miền Trung	Khánh Hòa	Đỗ Lê Gia Bảo	2013	20	
129.	25B-955	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trọng Phước Nguyên	2012	20	
130.	25B-1009	Miền Trung	Đà Nẵng	Lương Gia Linh	2011	17,500	
131.	25B-1133	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Gia Phát	2013	14	
132.	25B-1107	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Châu Gia Dũng	2011	7,500	
133.	25B-1008	Miền Trung	Khánh Hòa	Phan Quang Phong	2013	7,500	
134.	25B-1166	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Đình Phú	2013	2,500	
135.	25B-1134	Miền Trung	Gia Lai	Vũ Phước Hưng	2013	0	
136.	25B-1205	Miền Trung	Gia Lai	Trần Phương Yến Nhi	2013	0	

Danh sách gồm 136 thí sinh./.

II.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25B-958	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Thị Thanh Bình	2013	248	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
2.	25B-1203	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Minh Quân	2012	247	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25B-797	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phan Thành Hưng	2010	246	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25B-1073	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dương Phan Minh Nhật	2010	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25B-1015	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Đinh Đức Vũ An	2013	196	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
6.	25B-644	Miền Nam	Đồng Nai	Lê Phúc Minh Khôi	2011	196	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25B-1116	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hữu Khánh	2010	188	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25B-1039	Miền Nam	Tiền Giang	Nguyễn Viết Khoa	2012	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25B-761	Miền Nam	Đồng Tháp	Lữ Hoài Thương	2014	171	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
10.	25B-900	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Trí Tài	2012	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25B-820	Miền Nam	Tiền Giang	Phạm Nguyễn Toàn	2011	168	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25B-819	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Thái Quốc Bảo	2010	158	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	25B-1144	Miền Nam	Bình Thuận	Đinh Trần Thủy Tiên	2013	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25B-849	Miền Nam	An Giang	Phạm Quốc Thiện	2010	133	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25B-1012	Miền Nam	Cà Mau	Nguyễn Lê Loan Trinh	2010	128	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25B-751	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đào Minh Quân	2015	126	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
17.	25B-1031	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Võ Văn Quang Minh	2010	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25B-816	Miền Nam	Tiền Giang	Phan Trung Quân	2010	123	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25B-687	Miền Nam	Bình Dương	Nguyễn Tâm Từ	2013	122	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25B-932	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Phạm Đăng Khoa	2010	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25B-692	Miền Nam	Vĩnh Long	Nguyễn Ngọc Như Huỳnh	2011	118,500	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
22.	25B-1016	Miền Nam	Cà Mau	Huỳnh Hiếu Nghĩa	2011	114	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	25B-880	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Hoàng Minh Huy	2011	110	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	25B-993	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Hưng	2010	109	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	25B-1046	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Ngô Minh Thiên	2012	109	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	25B-837	Miền Nam	Cà Mau	Trương Nhã Hân	2012	108	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	25B-767	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyễn Đăng Khoa	2010	108	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
28.	25B-741	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Đặng Anh Đức	2010	106	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	25B-766	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyễn Hoàng Nam	2015	106	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
30.	25B-842	Miền Nam	Bình Thuận	Tổng Bảo Khang	2011	103	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	25B-752	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đào Minh Đức	2012	103	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
32.	25B-1001	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nghiêm Tuấn Kiệt	2013	102,500	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
33.	25B-708	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tăng Minh Tâm	2013	102	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
34.	25B-995	Miền Nam	Long An	Huỳnh Minh Lâm	2010	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	25B-1017	Miền Nam	Cà Mau	Nguyễn Hưng Thịnh	2011	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36.	25B-817	Miền Nam	Đồng Tháp	Nguyễn Phước Hiếu	2010	94	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
37.	25B-1121	Miền Nam	Long An	Nguyễn Anh Đức	2013	91,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	25B-902	Miền Nam	An Giang	Văn Công Khánh Huy	2011	91	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	25B-875	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lạc An Nguyên	2010	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	25B-679	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Vân Hà	2011	89	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	25B-822	Miền Nam	Bến Tre	Lê Ngọc Trí Văn	2010	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	25B-649	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Quang Minh	2011	83	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	25B-800	Miền Nam	Bến Tre	Nguyễn Việt Tiến	2011	81	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	25B-828	Miền Nam	An Giang	Châu Nhật Quang	2011	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	25B-966	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Trần Gia Vinh	2012	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	25B-744	Miền Nam	Bình Thuận	Hồ Tuấn Khoa	2011	77,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47.	25B-1118	Miền Nam	Cà Mau	Trần Hoàng Khang	2013	75,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48.	25B-773	Miền Nam	Cà Mau	Nguyễn Thiện Hoàng	2011	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49.	25B-850	Miền Nam	An Giang	Lê Nguyễn Huy Chương	2010	73	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50.	25B-1083	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Tiến Duy	2014	72	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51.	25B-691	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Minh Huân	2011	71	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52.	25B-758	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Trần Minh Nhật	2012	69	
53.	25B-1183	Miền Nam	Bình Dương	Đoàn Anh Quân	2011	68	
54.	25B-1020	Miền Nam	Bình Dương	Nguyễn Lê Hoàng Quân	2013	68	
55.	25B-1198	Miền Nam	Bình Thuận	Trịnh Hoàng Thiện Danh	2010	65	
56.	25B-870	Miền Nam	Tây Ninh	Diệp Huân	2013	65	
57.	25B-1210	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Khôi Nguyên	2011	62,500	
58.	25B-771	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Hoàng Nguyên	2012	62,500	
59.	25B-701	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Gia Phúc	2011	62,500	
60.	25B-872	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Minh Khôi	2011	60	
61.	25B-835	Miền Nam	Bến Tre	Châu Đại Việt	2013	60	
62.	25B-832	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Đỗ Đình Minh Phong	2012	58	
63.	25B-972	Miền Nam	An Giang	Đặng Tô Thái Minh	2012	55	
64.	25B-999	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Anh Quân	2011	50	
65.	25B-734	Miền Nam	Bình Thuận	Lê Tuấn Lâm	2012	49	
66.	25B-954	Miền Nam	Bình Dương	Nguyễn Quang Trường Long	2012	46	
67.	25B-833	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lục Nhất Thịnh	2011	46	
68.	25B-862	Miền Nam	Đồng Nai	Lê Quang Thanh	2012	36,500	
69.	25B-1082	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Bá Thái Bảo	2013	34,500	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
70.	25B-960	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Dũng	2010	27,500	
71.	25B-1192	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hào Khang	2012	22,500	
72.	25B-910	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Duy Vũ	2012	20	
73.	25B-809	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Đức Trí	2012	15	
74.	25B-883	Miền Nam	Tây Ninh	Trần Thiện Văn	2012	12,500	
75.	25B-838	Miền Nam	Bến Tre	Đoàn Lê Hoàng Giang	2011	10	
76.	25B-1003	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Trọng Dũng	2011	0	
76.	25B-1040	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Lê Khả Duy	2013	0	
76.	25B-661	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Vũ Đức Phú	2013	0	
76.	25B-718	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn An Mai	2012	0	
76.	25B-783	Miền Nam	Bình Dương	Nguyễn Minh Huy	2013	0	

Danh sách gồm 80 thí sinh./.

III. BẢNG C1: LẬP TRÌNH KHỐI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

III.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25C1-107	Miền Bắc	Hải Dương	Phùng Minh Dũng	2008	219,700	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Đức Khang	2008		
2.	25C1-159	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Trọng Khôi	2008	206,700	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Thuận Hiếu	2008		
3.	25C1-101	Miền Bắc	Hải Dương	Nguyễn Minh Đức	2009	192,900	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trương Thành Đồng	2009		
4.	25C1-153	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trung Kiên	2009	189,900	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Ngô Tuấn Hải	2009		
5.	25C1-124	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Hải Anh	2008	187,900	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25C1-150	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Khánh Minh	2009	187,900	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Minh Trí	2009		
7.	25C1-129	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Huy	2009	186,100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Tạ Minh Dương	2009		
8.	25C1-142	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nam Anh	2007	176,200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25C1-106	Miền Bắc	Hải Dương	Nguyễn Đăng Quang	2008	175,800	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Đức Phong	2008		
10.	25C1-170	Miền Bắc	Nam Định	Phùng Gia Minh	2009	175,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
11.	25C1-126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trường Hải	2009	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hà Mạnh Hùng	2009		
12.	25C1-171	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Phúc An Nguyên	2008	170,200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Vũ Tiến Minh	2008		
13.	25C1-154	Miền Bắc	Hà Nội	Hồ Thái Duy	2009	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Sỹ Toàn	2009		
14.	25C1-162	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Gia Huy	2009	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phạm Việt Anh	2009		
15.	25C1-105	Miền Bắc	Hà Nội	Tổng Gia Nam	2009	170	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
				Vũ Thế Hoàng Tiến	2009		
16.	25C1-168	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đăng Hiếu	2009	162,700	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25C1-130	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Thanh Hoàng Tùng	2009	155,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25C1-104	Miền Bắc	Bắc Ninh	Hoàng Tiến Mạnh	2007	153,900	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25C1-85	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Tiến Thành	2008	150,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Việt Bách	2007		
20.	25C1-169	Miền Bắc	Thái Nguyên	Vũ Dũng	2009	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25C1-151	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Huy Thạch	2009	125	<i>Đã trúng tuyển đợt thi thứ nhất</i>
				Nguyễn Việt Anh	2009		
22.	25C1-163	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trí Hiếu	2009	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trương Gia Bảo	2009		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
23.	25C1-113	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Trí Bách	2009	112	
24.	25C1-144	Miền Bắc	Hà Nội	Lã Mạnh Khang	2009	105	
				Trương Nhật Tùng	2009		
25.	25C1-76	Miền Bắc	Hải Dương	Nguyễn Vũ Kim Ngân	2009	105	
				Phạm Nhật Minh	2009		
26.	25C1-77	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Đức Thắng	2009	100	
				Nguyễn Bá Hoàn	2009		
27.	25C1-68	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Lê Kỳ	2009	85	

Danh sách gồm 27 đội thi./.

III.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25C1-137	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Nhật Quang	2007	254,600	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đặng Huy Hậu	2009		
2.	25C1-102	Miền Trung	Bình Định	Đặng Phúc Hiếu	2008	236	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trương Lê Gia Bảo	2008		
3.	25C1-79	Miền Trung	Đắk Nông	Phạm Đắc Quang Anh	2009	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25C1-132	Miền Trung	Nghệ An	Trương Công Việt Hà	2009	184	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Võ Anh Tuấn	2009		
5.	25C1-166	Miền Trung	Thanh Hóa	Đặng Minh Đức	2009	176,400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Xuân Kiến Hưng	2009		
6.	25C1-134	Miền Trung	Quảng Nam	Nguyễn Cao Đức	2008	175,800	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25C1-118	Miền Trung	Quảng Nam	Nguyễn Quang Vũ	2009	175,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Thủy Ngọc Quốc	2009		
8.	25C1-157	Miền Trung	Bình Định	Đặng Nguyễn Anh Dũng	2009	175,200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đỗ Hoàng Anh Tuấn	2009		
9.	25C1-86	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Lê Gia Huy	2008	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Kiều Văn Đạt	2008		
10.	25C1-89	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Văn Thiện	2008	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Vũ Đình Phúc	2008		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
11.	25C1-116	Miền Trung	Bình Định	Đặng Minh Quốc	2008	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Thanh Tú Uyên	2008		
12.	25C1-117	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Việt Hưng	2009	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Việt Anh	2009		
13.	25C1-140	Miền Trung	Bình Định	Phan Anh Tuấn	2007	165,600	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25C1-84	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Minh Nguyên	2009	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Quang Minh	2009		
15.	25C1-121	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Trọng Khiêm	2009	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Võ Quang Khánh	2009		
16.	25C1-114	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Việt Trung	2009	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đinh Tuấn Hưng	2009		
17.	25C1-66	Miền Trung	Thanh Hóa	Hà Anh Tiến	2008	153,200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đặng Gia Khánh	2008		
18.	25C1-133	Miền Trung	Thanh Hóa	Trần Đức Anh	2008	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Nhật Minh	2008		
19.	25C1-123	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Đình Tiến	2009	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đào Tuấn Khôi	2009		
20.	25C1-119	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Phương Linh	2009	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần An Phương	2009		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
21.	25C1-164	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Trọng Khoa	2009	125	
				Trịnh Lê Gia Hiếu	2009		
22.	25C1-156	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Thế Thành Long	2009	125	
				Trần Ngọc Tuấn Anh	2009		
23.	25C1-112	Miền Trung	Thanh Hóa	Hà Lê Tuấn Minh	2008	125	
				Trần Tuấn Anh	2008		
24.	25C1-103	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Chí Khang	2008	115,500	
				Võ Hồ Quốc Thắng	2008		
25.	25C1-97	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Quang Dũng	2009	110,200	
26.	25C1-161	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Trần Nhật Huy	2009	110	
				Nguyễn Vũ Minh Khôi			
27.	25C1-120	Miền Trung	Nghệ An	Phan Minh Đức	2009	100,500	
28.	25C1-138	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Sỹ Đức Trí	2009	100	
				Nguyễn Tài	2009		
29.	25C1-149	Miền Trung	Nghệ An	Trần Khôi Nguyên	2009	100	
				Hoàng Tuấn Tú	2009		
30.	25C1-131	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Cảnh Trung	2009	100	
				Nguyễn Tài Long	2009		
31.	25C1-135	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Trung Kiên Cường	2009	100	
				Nguyễn Minh Quân	2009		

Danh sách gồm 31 đội thi./.

III.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25C1-67	Miền Nam	Bình Dương	Lê Xuân Trọng	2008	200,700	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25C1-73	Miền Nam	Bình Phước	Bùi Nguyên Phúc	2008	193,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lưu Thành Long	2008		
3.	25C1-74	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Đăng Khoa	2008	190,200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Xuân Thái	2008		
4.	25C1-72	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Quang Chương	2008	186,100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Minh Tường	2008		
5.	25C1-83	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Vạn Đăng Thành	2009	175,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hoàng Lê Quang Minh	2009		
6.	25C1-100	Miền Nam	Bến Tre	Bùi Phúc Ân	2008	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phan Huỳnh Trí Quang	2008		
7.	25C1-152	Miền Nam	Bình Phước	Lê Thanh Bình	2008	173,300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hoàng Phú Thiện	2008		
8.	25C1-98	Miền Nam	An Giang	Phạm Minh Duy	2008	169,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Phú Minh Quân	2008		
9.	25C1-81	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Lý Tấn Phúc	2009	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phạm Nhật Quang	2009		
10.	25C1-167	Miền Nam	Bình Dương	Bùi Đình Lộc	2008	152,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Mạnh Hùng	2008		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
11.	25C1-96	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Nguyễn Phú Minh	2008	152	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Ngô Đăng Khôi	2008		
12.	25C1-65	Miền Nam	An Giang	Nghiêm Đình An	2008	150,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phạm Quang Trí	2009		
13.	25C1-92	Miền Nam	An Giang	Phùng Văn Tánh	2009	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Võ Minh Quốc	2009		
14.	25C1-122	Miền Nam	An Giang	Hà Nguyễn Gia Bảo	2009	135,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Trung Nhân			
15.	25C1-115	Miền Nam	Bến Tre	Võ Thiên Lộc	2008	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phạm Minh Thông			
16.	25C1-91	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Võ Thiên Hào	2008	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Huỳnh Khang Hào	2009		
17.	25C1-109	Miền Nam	Long An	Trần Sỹ Ân	2009	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25C1-147	Miền Nam	Kiên Giang	Bùi Minh Duy	2009	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25C1-95	Miền Nam	An Giang	Lý Thanh Gia Hưng	2009	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trương Quang Thạnh	2009		
20.	25C1-93	Miền Nam	Long An	Cù Trần Tiến Phát	2009	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Danh sách gồm 20 đội thi./.

IV. BẢNG C2: LẬP TRÌNH KHỎI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KHÔNG CHUYÊN

IV.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25C2-240	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Minh Tuấn	2011	242	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25C2-252	Miền Bắc	Bắc Giang	Tạ Văn Ninh	2008	242	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25C2-269	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Phạm Hải Dương	2011	219	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25C2-238	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Kỳ Nam	2012	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25C2-285	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Tiến Việt	2009	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25C2-268	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Tùng Anh	2008	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25C2-284	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Gia Bảo	2011	169	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25C2-256	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Minh Vũ	2010	149	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25C2-251	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Hà	2011	144	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25C2-207	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Nguyễn Minh Đức	2008	139	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25C2-210	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Danh Nhật Sơn	2008	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
12.	25C2-228	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Ngọc Minh Huy	2009	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	25C2-320	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tổng Gia Minh	2009	114	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25C2-330	Miền Bắc	Hải Phòng	Lê Quý Đức	2010	106	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25C2-323	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Hoàng	2008	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25C2-332	Miền Bắc	Bắc Giang	Bùi Minh Anh	2008	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25C2-249	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Tiến	2009	86	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25C2-295	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Tiến Bảo	2009	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25C2-337	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Bảo Nam	2009	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25C2-294	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hải Đăng	2009	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25C2-331	Miền Bắc	Hải Phòng	Trương Nhật Anh	2008	65	
22.	25C2-338	Miền Bắc	Bắc Ninh	Trần Duy Anh	2008	52,500	
23.	25C2-333	Miền Bắc	Hà Nội	Lương Cao Phong	2009	27,500	
24.	25C2-232	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Minh Quân	2007	0	

Danh sách gồm 24 thí sinh./.

IV.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25C2-259	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Gia Hưng	2007	267	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25C2-291	Miền Trung	Phú Yên	Đặng Kỳ Anh	2009	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25C2-225	Miền Trung	Huế	Nguyễn Hải Duy	2009	224	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25C2-315	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Xuân Sang	2009	224	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25C2-286	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Anh Tuấn	2009	221	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25C2-261	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Gia Hưng	2008	217	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25C2-233	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Bá Gia Bảo	2008	192	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25C2-317	Miền Trung	Nghệ An	Lê Xuân Quý	2009	189	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25C2-270	Miền Trung	Huế	Lương Nguyễn Minh Kiệt	2007	182	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25C2-283	Miền Trung	Nghệ An	Phạm Gia Bảo	2008	177	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25C2-297	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Anh Khoa	2009	176	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
12.	25C2-247	Miền Trung	Huế	Nguyễn Đức Trí	2008	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	25C2-244	Miền Trung	Quảng Nam	Nguyễn Ngọc Minh Toàn	2009	159	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25C2-239	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Tuấn Tú	2008	156	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25C2-255	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Hữu Duy Quang	2008	154,500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25C2-195	Miền Trung	Đắk Nông	Nguyễn Kim Thành	2009	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25C2-230	Miền Trung	Bình Định	Lý Nguyễn Công Chính	2007	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25C2-267	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Lê Quang Minh	2008	142	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25C2-336	Miền Trung	Nghệ An	Phạm Nguyễn Khánh Vy	2008	139	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25C2-271	Miền Trung	Huế	Hà Văn Võ	2009	126	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25C2-327	Miền Trung	Gia Lai	Hồ Hoàng Long	2009	112,500	
22.	25C2-274	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Hoàng Long	2009	100	
23.	25C2-257	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Ngọc Minh	2008	100	
24.	25C2-277	Miền Trung	Bình Định	Phạm Thái Đăng Minh	2008	100	
25.	25C2-275	Miền Trung	Huế	Trương Đình Nguyên	2007	100	
26.	25C2-187	Miền Trung	Huế	Nguyễn Trí Dũng	2009	99	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
27.	25C2-263	Miền Trung	Huế	Đặng Vũ Minh Nhật	2008	97,500	
28.	25C2-288	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Phú Hưng	2008	95	
29.	25C2-326	Miền Trung	Gia Lai	Lê Đình Bảo Hoàng	2009	85	
30.	25C2-264	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Lê Quang Minh	2009	80	
31.	25C2-258	Miền Trung	Huế	Ngô Viết Tuệ Đăng	2007	80	
32.	25C2-212	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Lê Trung Nghĩa	2009	80	
33.	25C2-250	Miền Trung	Nghệ An	Bùi Công Phúc	2008	80	
34.	25C2-325	Miền Trung	Gia Lai	Phạm Thành Khang	2009	67,500	
35.	25C2-324	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	2009	65	
36.	25C2-296	Miền Trung	Gia Lai	Hà Quang Huy	2009	65	
37.	25C2-219	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Đình Phúc	2008	65	
38.	25C2-300	Miền Trung	Quảng Nam	Cao Chí Minh	2007	65	
39.	25C2-322	Miền Trung	Nghệ An	Phạm Đức Hiếu	2008	55	
40.	25C2-273	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Tiến Khoa	2009	49	

Danh sách gồm 40 thí sinh./.

IV.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25C2-290	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Minh Hiền	2009	176	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25C2-260	Miền Nam	Bến Tre	Nguyễn Kiến Hào	2008	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25C2-303	Miền Nam	Vĩnh Long	Võ Thiên Phú	2008	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25C2-329	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đặng Hữu Quốc	2009	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25C2-215	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Tuấn Sơn	2007	110	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25C2-276	Miền Nam	An Giang	Nông Đức Anh	2009	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25C2-176	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Hoàng Gia Bảo	2008	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25C2-265	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Thanh Thiên	2009	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25C2-328	Miền Nam	Tiền Giang	Đoàn Phạm Thiên Phúc	2008	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25C2-197	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tô Minh Quang	2008	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25C2-299	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dương Nhật Minh	2008	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
12.	25C2-312	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tran Le Nhat Dang	2008	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	25C2-180	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Quang Lộc	2009	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25C2-227	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Phạm Thành Danh	2008	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Danh sách gồm 14 thí sinh./.

V. BẢNG D1: SẢN PHẨM SÁNG TẠO KHỐI TIỂU HỌC

V.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
1.	25D1-173	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đỗ Đức Kiệt	2014	85	0	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Bảo Châu	2014				
1.	25D1-222	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Trí Minh	2014	65	20	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phan Tất Nghĩa	2014				
3.	25D1-155	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Đình Trung	2014	45	20	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25D1-177	Miền Bắc	Hà Nội	Sử Ngọc Bảo Phong	2014	65	0	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Đức Minh	2014				
3.	25D1-247	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quốc Khánh	2015	65	0	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25D1-136	Miền Bắc	Hà Nội	Lương Hữu Bảo	2016	55	0	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25D1-153	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trịnh Đăng Khoa	2014	40	15	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phạm Thái An	2014				
6.	25D1-204	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Đức Sơn	2014	35	20	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Viết Minh Huy	2015				
6.	25D1-223	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi An Huy	2014	50	5	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Lê Thái Hoàng	2014				

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
10.	25D1-203	Miền Bắc	Hưng Yên	Trần Như Đăng	2014	50	0	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Bạch Gia Minh	2014				
11.	25D1-131	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hùng Việt	2015	40	0	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25D1-116	Miền Bắc	Vĩnh Phúc	Trần Nguyên Vũ	2015	35	0	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25D1-158	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Thiện Nhân	2014	25	10	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Ngô Hải Phong	2014				
12.	25D1-165	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đắc Doanh	2015	30	5	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25D1-211	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Đức Anh	2015	35	0	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25D1-127	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Thái Minh	2014	30	2	32	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25D1-138	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Quân	2015	20	10	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25D1-171	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Đức Khang	2016	30	0	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25D1-215	Miền Bắc	Thái Bình	Nguyễn Tuấn Kiệt	2014	30	0	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25D1-225	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Đình Duy Anh	2015	30	0	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Trung Quân	2014				

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
21.	25D1-123	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Ngọc Băng Tâm	2014	25	0	25	
21.	25D1-126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Phương Đình Ngọc	2014	25	0	25	
21.	25D1-218	Miền Bắc	Thái Bình	Đoàn Bá Tùng Anh	2015	25	0	25	
24.	25D1-232	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Quang Huy	2016	22	0	22	
25.	25D1-246	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Văn Hoàng Minh	2014	20	0	20	
				Lê Tường Vy	2015				
26.	25D1-235	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Anh Vũ	2015	12	5	17	
27.	25D1-118	Miền Bắc	Vĩnh Phúc	Đỗ Văn Minh	2015	15	0	15	
28.	25D1-117	Miền Bắc	Vĩnh Phúc	Nguyễn Hàn Nhật Anh	2014	5	0	5	

Danh sách gồm 28 đội thi./.

V.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
1.	25D1-258	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Thanh Hải	2014	80	35	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Minh Trí	2014				
2.	25D1-197	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Quang Minh	2014	75	30	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25D1-202	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Đình Tuấn Lâm	2014	95	0	95	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Ngô Xuân Thiện	2014				
4.	25D1-192	Miền Trung	Quảng Nam	Bùi Trần Anh Quân	2014	90	0	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Lưu Quốc Huy	2014				
5.	25D1-186	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Quốc Huy	2014	65	20	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Diệu Tú	2014				
6.	25D1-151	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Ngọc Minh Kiên	2015	60	20	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Huỳnh Đắc Khôi	2015				
7.	25D1-157	Miền Trung	Nghệ An	Trần Đức Duy	2014	75	0	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25D1-189	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nguyễn Minh Triết	2014	60	15	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phạm Gia Hưng	2015				
7.	25D1-195	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Hoàng Bách	2015	55	20	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
10.	25D1-142	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Phúc Gia Huy	2014	70	0	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25D1-254	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bình An	2015	70	0	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Huỳnh Nguyễn Đăng Quan	2014				
12.	25D1-191	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Minh Phúc An	2017	50	10	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Công Minh Huân	2017				
12.	25D1-196	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Bá Thịnh	2014	40	20	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đào Thiên Kim	2014				
14.	25D1-181	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trường Minh Khánh	2014	40	15	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Ngô Lê Anh	2014				
14.	25D1-193	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Anh Thư	2014	35	20	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Huỳnh Văn Hiếu	2014				
14.	25D1-209	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Phạm Trọng Nhân	2014	55	0	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25D1-263	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Phạm Gia Ngân	2014	25	30	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đặng Minh Vương	2014				
18.	25D1-200	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Phương Anh	2014	40	10	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25D1-230	Miền Trung	Gia Lai	Phan Nguyễn Đăng Khoa	2014	50	0	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
20.	25D1-213	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Viết Khải Minh	2015	30	15	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đỗ Trọng Kim Khoa	2014				
20.	25D1-237	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Thượng Nhân	2014	40	5	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Bùi Bá Danh	2014				
20.	25D1-253	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Đăng Sơn	2016	45	0	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hồ Hải Đăng	2015				
20.	25D1-259	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Linh San	2014	30	15	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Hoài Gia Nhi	2014				
20.	25D1-260	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Nguyễn Hoàng Phát	2015	30	15	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Trương Gia Bảo	2015				
25.	25D1-125	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Bá Hoàng Nguyên	2014	35	5	40	
				Trần Quốc Anh	2014				
25.	25D1-146	Miền Trung	Nghệ An	Trần Phước An	2014	40	0	40	
25.	25D1-152	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Tiến Phong	2014	25	15	40	
25.	25D1-168	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Huỳnh Bảo Hân	2015	35	5	40	
				Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	2015				
25.	25D1-183	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Huỳnh Ngọc Gia Bảo	2015	35	5	40	
25.	25D1-184	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Ngọc Minh Đan	2015	30	10	40	
				Nguyễn Nhật Bình Nguyên	2015				
25.	25D1-199	Miền Trung	Khánh Hòa	Sử Lê Gia Thịnh	2015	40	0	40	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
25.	25D1-224	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Hoàng Thảo Nguyên	2014	40	0	40	
25.	25D1-249	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Mạnh Tiến	2014	35	5	40	
25.	25D1-264	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trọng Hiếu	2014	40	0	40	
35.	25D1-130	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Duy Phước An	2014	35	0	35	
35.	25D1-159	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Nhật Nguyên	2015	25	10	35	
				Nguyễn Quang Bình An	2014				
35.	25D1-160	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Minh Hoàng	2015	25	10	35	
				Huỳnh Ngọc Thiên Phúc	2015				
35.	25D1-198	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Nguyên Khang	2014	35	0	35	
35.	25D1-216	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Đình Tùng	2015	25	10	35	
40.	25D1-231	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Gia Huy	2014	30	2	32	
				Võ Anh Kiệt	2014				
41.	25D1-124	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Trí Lâm	2014	30	0	30	
				Nguyễn Ngô Anh Quân	2014				
41.	25D1-135	Miền Trung	Thanh Hóa	Dương Chí Dũng	2014	30	0	30	
41.	25D1-139	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Minh Khang	2014	25	5	30	
				Ninh Quang Ngọc	2015				
41.	25D1-144	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Gia Hân	2015	30	0	30	
41.	25D1-147	Miền Trung	Nghệ An	Ông Gia Bảo	2014	30	0	30	
41.	25D1-156	Miền Trung	Nghệ An	Đoàn Huy Hùng	2014	30	0	30	
41.	25D1-163	Miền Trung	Đà Nẵng	Lương Khánh Hân	2015	25	5	30	
				Trần Gia Bình	2016				
41.	25D1-164	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Anh Thư	2014	20	10	30	
				Mai Ngọc Gia Hân	2014				

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
41.	25D1-188	Miền Trung	Đà Nẵng	Lưu Hoài An	2015	30	0	30	
				Phan Văn Thiên Phúc	2015				
41.	25D1-207	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đình Gia Bảo	2014	30	0	30	
				Trần Nhã Phương	2015				
41.	25D1-214	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Hoàng Thiên	2014	30	0	30	
				Trần Phú Huy					
52.	25D1-169	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Hoa Phương	2014	25	2	27	
				Nguyễn Trần Bảo Thuận					
53.	25D1-145	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Mạnh Đạt	2015	25	0	25	
53.	25D1-187	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Anh Đức	2014	25	0	25	
53.	25D1-201	Miền Trung	Đà Nẵng	Văn Minh Hòa	2015	25	0	25	
				Mai Hoàng Gia Bảo	2015				
53.	25D1-227	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hoà Phát	2014	25	0	25	
53.	25D1-252	Miền Trung	Nghệ An	Phan Thế An	2015	25	0	25	
				Võ Hoàng Bảo	2016				
58.	25D1-137	Miền Trung	Thanh Hóa	Dương Lê Tú Linh	2016	20	0	20	
58.	25D1-167	Miền Trung	Khánh Hòa	Võ Anh Duy	2014	20	0	20	
				Nguyễn Huỳnh Trúc Linh	2014				
58.	25D1-170	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Việt Hoàng	2015	20	0	20	
61.	25D1-161	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Gia Ân	2014	15	0	15	

Danh sách gồm 61 đội thi./.

V.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
1.	25D1-174	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Xuân Trọng Nhân	2015	95	20	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25D1-244	Miền Nam	An Giang	Khuru Quỳnh Lam	2018	75	20	95	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Cao Hoài An	2018				
3.	25D1-194	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nghiêm Tuấn Phong	2015	65	20	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25D1-265	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bùi Nguyễn Hoàng Kim	2014	60	20	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25D1-150	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Trương Như Trần	2015	50	10	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25D1-239	Miền Nam	An Giang	Phước Nguyễn Hoàng Anh	2016	30	30	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25D1-133	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần An	2014	55	0	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25D1-190	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phúc Minh	2015	45	0	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25D1-129	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đặng Minh Cường	2014	40	0	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25D1-134	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tổng Thiên Văn	2014	40	0	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
11.	25D1-172	Miền Nam	Cần Thơ	Ngô Phúc Thịnh	2014	30	10	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Nguyễn Hưng Thịnh	2014				
12.	25D1-221	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Duy Phúc	2014	35	5	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Diệp Phương Nghi	2016				
13.	25D1-176	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Trần Quốc Hạo Nhiên	2014	35	0	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Dương Tùng Lâm	2014				
14.	25D1-212	Miền Nam	Đồng Tháp	Lại Phú Thiên	2014	25	10	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Quang Minh	2014				
15.	25D1-240	Miền Nam	An Giang	Võ Dương Hoàng Thái	2015	25	10	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25D1-217	Miền Nam	Bình Dương	Nguyễn Phan Hải Bình	2014	32	0	32	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Nam Việt	2014				
17.	25D1-143	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Huệ Linh	2014	30	0	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25D1-185	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Trần Gia Túc	2015	30	0	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25D1-226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hứa Gia Bảo	2014	30	0	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25D1-241	Miền Nam	An Giang	Dương Minh Quốc	2014	25	2	27	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	2014				

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
21.	25D1-149	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Bình Khải	2014	25	0	25	
22.	25D1-210	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Quang Thánh	2014	25	0	25	
				Đoàn Kiến An	2014				
23.	25D1-220	Miền Nam	Bình Dương	Trương Đình Phát	2014	20	0	20	
				Bùi Trọng Khôi	2015				
24.	25D1-242	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Trần Thiên Khải	2016	20	0	20	
				Đào Anh Khoa	2016				
25.	25D1-243	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Gia Bảo	2016	20	0	20	
				Lê Hữu Duy	2016				
26.	25D1-245	Miền Nam	An Giang	Đỗ Thành Đạt	2017	15	0	15	
				Thi Cát Ngọc	2017				
27.	25D1-248	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Hải Hoàng	2015	15	0	15	
28.	25D1-234	Miền Nam	Bình Phước	Đỗ Minh Khang	2014	5	0	5	
				Đỗ Minh Khôi	2016				

Danh sách gồm 28 đội thi./.



**DANH SÁCH LỰA CHỌN SẢN PHẨM SÁNG TẠO BẢNG D2, D3 THAM GIA VÒNG KHU VỰC
THÔNG QUA VÒNG LOẠI QUỐC GIA HỘI THI TIN HỌC TRẺ TOÀN QUỐC
LẦN THỨ 31, NĂM 2025**

(Kèm theo Thông báo số: 82-TB/KHCN ngày 16 tháng 5 năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ)

	Bảng D2		Bảng D3	
	Số lượng sản phẩm tham gia	Số lượng sản phẩm đạt yêu cầu	Số lượng sản phẩm tham gia	Số lượng sản phẩm đạt yêu cầu
Miền Bắc	46	33	12	10
Miền Trung	14	11	13	10
Miền Nam	14	12	6	4

Thống kê số lượng sản phẩm sáng tạo bảng D2, D3 tham gia Vòng loại quốc gia năm 2025

I. BẢNG D2: SẢN PHẨM SÁNG TẠO KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

I.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1.	25D2-3	Miền Bắc	Hải Phòng	Game Giải Phóng Điện Biên	Nguyễn Thiện Nhân	2011	
2.	25D2-4	Miền Bắc	Hải Phòng	Game Parkour Maze	Đình Bùi Quang Vinh	2011	
3.	25D2-5	Miền Bắc	Hải Phòng	Game Young Pokemon	Bùi Xuân Bách	2013	
4.	25D2-6	Miền Bắc	Hải Phòng	Summer Game	Bùi Hoàng Minh	2011	
5.	25D2-8	Miền Bắc	Hải Phòng	Game Be A Fireman	Hoàng Minh Tuấn	2012	

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
6.	25D2-9	Miền Bắc	Hải Phòng	Game Surf to Rescue	Phạm Thanh Bình	2012	
7.	25D2-10	Miền Bắc	Bắc Ninh	Trốn ngục	Tô Đình Lâm	2013	
8.	25D2-11	Miền Bắc	Hải Phòng	Game Save Your Mama Computer	Hồ Sỹ Thiện	2012	
9.	25D2-15	Miền Bắc	Hải Phòng	Game Changing World	Phạm Quốc Tấn	2012	
10.	25D2-17	Miền Bắc	Quảng Ninh	Intellectuals	Vũ Kim Ngân	2012	
11.	25D2-18	Miền Bắc	Bắc Ninh	Strange Tower Defence	Đỗ Hoàng Việt	2012	
12.	25D2-24	Miền Bắc	Bắc Ninh	Máy thu mua tài nguyên tái chế	Trần Văn Nam	2013	
13.	25D2-26	Miền Bắc	Hà Nội	FoodBooking	Trương Đức Thắng	2011	
14.	25D2-27	Miền Bắc	Bắc Ninh	Ứng dụng bán hàng mini	Nguyễn Chí Anh	2011	
15.	25D2-31	Miền Bắc	Quảng Ninh	Logicraft	Khương Hữu Minh Quân	2013	
16.	25D2-33	Miền Bắc	Quảng Ninh	Quản lý học sinh	Phạm Đăng Khoa	2012	
17.	25D2-34	Miền Bắc	Bắc Ninh	Pakour Giải Đố Câu Hỏi	Cao Xuân Bách	2012	
18.	25D2-36	Miền Bắc	Quảng Ninh	Racing Car	Tạ Minh Giang	2012	
19.	25D2-39	Miền Bắc	Quảng Ninh	Ghost tower defense (beta)	Nguyễn Vũ Bình Minh	2012	
					Hoàng Nhật Minh	2012	
20.	25D2-41	Miền Bắc	Hải Phòng	Chu du Việt Nam	Đinh Xuân Thành	2011	
					Nguyễn Nhật Minh	2011	
21.	25D2-45	Miền Bắc	Hưng Yên	Cánh cổng bí ẩn	Nguyễn Bảo An	2013	
22.	25D2-50	Miền Bắc	Hà Nội	Kinetic labs knock of edition	Hoa Đức Minh	2011	
23.	25D2-51	Miền Bắc	Vĩnh Phúc	Culinary cafe	Nguyễn Hữu Khánh	2011	
24.	25D2-52	Miền Bắc	Hà Nội	Tiny Dungeon	Vũ Minh Lâm	2011	

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
25.	25D2-59	Miền Bắc	Quảng Ninh	Ứng dụng AI hỗ trợ giao tiếp cho người khiếm thính và sinh hoạt hằng ngày cho người khiếm thị	Nguyễn Như Thanh	2011	
					Phạm Tuấn Ngọc	2011	
26.	25D2-63	Miền Bắc	Hà Nội	Dungeon Survival	Nguyễn Đức Minh	2012	
27.	25D2-67	Miền Bắc	Hà Nội	Website ứng dụng AI vào quản lí học sinh	Phạm Bá Đình	2012	
28.	25D2-70	Miền Bắc	Hà Nội	Game cuộc sống nông trại	Vương Đình Nam	2012	
					Ngô Chấn Hưng	2012	
29.	25D2-72	Miền Bắc	Hà Nội	LQĐ EduPortal: Cổng thông tin và tiện ích giáo dục trường THCS Lê Quý Đôn	Lê Sỹ Việt	2011	
30.	25D2-79	Miền Bắc	Hải Dương	Hệ thống cảnh báo cháy nổ do khí ga và phân loại rác thải công nghệ AI	Phan Trần Bích Ngọc	2015	
					Vũ Bá Anh Tú	2015	
31.	25D2-80	Miền Bắc	Cao Bằng	Dự án CaoBangVerse kết nối văn hóa truyền thống và công nghệ	Văn Hoàng Đăng Tâm	2011	
					Lã Việt Hùng	2011	
32.	25D2-81	Miền Bắc	Cao Bằng	Đo lường điện, nước sử dụng trong gia đình	Nông Minh Huy	2012	
					Hoàng Trung Nghĩa	2012	
33.	25D2-83	Miền Bắc	Hà Nội	Game Tết	Lê Hùng Trí	2013	

Danh sách gồm 33 sản phẩm./.

I.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1.	25D2-2	Miền Trung	Đà Nẵng	Sàng lọc và Quản lý dinh dưỡng cá thể cho học sinh trung học (NUTRIBOT)	Trần Vũ Gia Huy	2011	
2.	25D2-30	Miền Trung	Đà Nẵng	BOOK SHOP	Trần Bình Nguyên	2010	
3.	25D2-38	Miền Trung	Thanh Hóa	Easy Parkour 2.0	Nguyễn Mạnh Hưng	2013	
4.	25D2-48	Miền Trung	Lâm Đồng	Detect school violence in schools through cameras	Lưu Gia Bảo	2011	
5.	25D2-60	Miền Trung	Nghệ An	Giả lập thu ngân siêu thị	Hồ Duy Thành Phát	2013	
6.	25D2-61	Miền Trung	Đà Nẵng	Vision Control: Ứng dụng xử lý hình ảnh và máy chiếu để chuyển đổi bảng thường thành bảng tương tác thông minh	Huỳnh Ngọc Gia Huy	2012	
					Nguyễn Thái Khánh Tường	2012	
7.	25D2-62	Miền Trung	Đà Nẵng	SmartEduBot - Robot Sao Đỏ trí tuệ nhân tạo	Trần Huỳnh Gia Khiêm	2011	
8.	25D2-65	Miền Trung	Nghệ An	GeoCulture Quiz – Kiểm tra kiến thức địa lý, văn hóa, lịch sử với AI	Phan Tất Đại	2010	
9.	25D2-73	Miền Trung	Đà Nẵng	Hệ thống AIoT phòng chống, cảnh báo tai nạn đuối nước ở trẻ em tại các khu vực sông, hồ	Lê Nguyễn Bảo Khang	2011	
					Nguyễn Tường Vi	2011	
10.	25D2-74	Miền Trung	Đà Nẵng	FunnyBot: Ứng dụng công nghệ hỗ trợ trẻ chậm nói và tự kỷ trong giao tiếp	Dương Thiệu Khang	2013	
					Phạm Hồng Anh	2013	
11.	25D2-75	Miền Trung	Đà Nẵng	Phân loại rác thải bằng thị giác máy tính	Cao Huy Hoàng	2011	

Danh sách gồm 11 sản phẩm./.

I.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1.	25D2-20	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	AETHER DUNGEON	Nguyễn Khánh Lâm	2012	
2.	25D2-29	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	The journey to seek the truth	Nguyễn Minh Khôi	2012	
3.	25D2-37	Miền Nam	Đồng Nai	Hệ thống phát hiện và cảnh báo bạo lực học đường	Hoàng Vĩnh Khánh	2010	
4.	25D2-42	Miền Nam	Bình Dương	Thám hiểm Luật an toàn giao thông cùng Scratch	Nguyễn Thành Hưng	2013	
					Hồ Trung Dũng	2013	
5.	25D2-49	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Phần mềm Khám Phá kiến thức tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Nghiêm Tuấn Kiệt	2013	
6.	25D2-53	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Pix Dino	Phạm Ngọc Tài Anh	2011	
7.	25D2-54	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Impossible maze	Tô Minh Định	2013	
8.	25D2-55	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	MVWorld (Web MV âm nhạc)	Lê Đình Minh Trí	2010	
9.	25D2-58	Miền Nam	Đồng Nai	Sky Fight	Bùi Quang Huy	2013	
10.	25D2-76	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dự án Hệ Mặt Trời	Nguyễn Cao Thành	2011	
11.	25D2-78	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Urban Gents	Nguyễn Hữu Phong	2012	
12.	25D2-82	Miền Nam	An Giang	Phần mềm Ôn tập về câu Tiếng Việt	Bùi Trương Nhật Thiên	2013	
					Phạm Mai Thy	2013	

Danh sách gồm 12 sản phẩm./.

II. BẢNG D3: SẢN PHẨM SÁNG TẠO KHỐI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

II.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1.	25D3-1	Miền Bắc	Hà Nội	Traffic Hunter	Trần Công Vinh	2008	
2.	25D3-2	Miền Bắc	Bắc Ninh	VietTravelAirline	Nguyễn Trung Hiếu	2008	
3.	25D3-12	Miền Bắc	Hà Nội	Ignition	Nguyễn Hoàng Nhật Anh	2008	
					Nguyễn Đức Minh	2008	
4.	25D3-14	Miền Bắc	Hà Nội	Phần mềm hỗ trợ bệnh nhân Alzheimer	Phan Châu Anh	2009	
					Đào Minh Quang	2009	
5.	25D3-15	Miền Bắc	Hà Nội	Hệ thống chẩn đoán và phát hiện sớm bệnh Parkinson sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI)	Vũ Khoa Giáp	2009	
					Mai Hương Dịu	2009	
6.	25D3-20	Miền Bắc	Hà Nội	ZeroSmokeX	Lê Tuấn Kiệt	2008	
					Mai Trọng Lâm	2008	
7.	25D3-23	Miền Bắc	Hà Nội	Robot tự động làm mát và vệ sinh pin mặt trời	Trần Minh Thành	2008	
8.	25D3-28	Miền Bắc	Hà Nội	Ứng dụng game Heckjecker giúp học sinh học tốt Python ở Khối 10	Lê Hữu Đức Gia Minh	2009	
					Nguyễn Quang Bảo Minh	2009	
9.	25D3-30	Miền Bắc	Hải Phòng	Green Eye	Phạm Hải Anh	2008	
					Trương Nhật Anh	2008	
10.	25D3-37	Miền Bắc	Cao Bằng	Dự án AgriCB kết nối nông nghiệp và công nghệ	Hoàng Đức Mạnh	2009	
					Hoàng Hải Nam	2009	

Danh sách gồm 10 sản phẩm./.

II.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1.	25D3-5	Miền Trung	Gia Lai	Hoá học không giới hạn với AR/VR	Nguyễn Hữu Tuấn	2008	
					Trần Lê Chí Bảo	2008	
2.	25D3-6	Miền Trung	Gia Lai	Phần mềm điểm danh lớp học tự động	Phạm Thành Khang	2009	
					Hồ Hoàng Long	2009	
3.	25D3-7	Miền Trung	Gia Lai	Website phân tích và phát hiện lừa đảo trên các nền tảng kỹ thuật số	Võ Đăng Tuệ	2008	
4.	25D3-17	Miền Trung	Đắk Lắk	Hệ thống hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ cho học sinh giúp nâng cao hiệu quả y tế trường học	Trần Hoàng Nam	2008	
5.	25D3-21	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Du Education	Phạm Đình Lê Phước	2008	
					Phạm Nhật Lương	2008	
6.	25D3-22	Miền Trung	Nghệ An	AI Tutor Assistant – Trợ lý học tập tự động với AI, đánh giá kết quả và đề xuất lịch học	Trần Ngọc Thảo	2008	
7.	25D3-25	Miền Trung	Đà Nẵng	JUMDINO - Đánh thức vận động khi ngồi máy tính lâu	Lê Văn Thanh Tùng	2008	
					Dương Phước Nguyên	2008	
8.	25D3-26	Miền Trung	Bình Định	Guardian Security - Phần mềm an ninh phát hiện hành vi bạo lực	Trần Ngọc Tân	2008	
					Tô Vũ Trà My	2008	
9.	25D3-27	Miền Trung	Bình Định	V-MoneyEye - thiết bị hỗ trợ người khiếm thị nhận dạng tiền Việt Nam	Huỳnh Lâm Phú	2008	
					Trần Ngọc Tân	2008	
10.	25D3-39	Miền Trung	Đà Nẵng	EPMP - Xây dựng nền tảng lập kế hoạch và quản lý tình trạng khẩn cấp	Nguyễn Viết Thành Đạt	2007	
					Phan Hoàng Thanh	2007	

Danh sách gồm 10 sản phẩm./.

II.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Stt	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Tên sản phẩm sáng tạo	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1.	25D3-3	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trang web giới thiệu Du lịch, Văn hóa, Ẩm thực Sài Gòn - Explore Sài Gòn	Đặng Phúc Nguyên	2008	
					Nguyễn Thượng Minh	2008	
2.	25D3-4	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Công cụ hỗ trợ người mắc hội chứng tăng động giảm chú ý	Trần Trí Dũng	2008	
3.	25D3-19	Miền Nam	An Giang	Phần mềm quản lý điểm danh học sinh kết hợp nhận diện khuôn mặt	Lê Nguyễn Xuân Hiếu	2007	
4.	25D3-24	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Auto Quiz	Nguyễn Khôi Nguyên	2007	
					La Hữu Tín	2007	

Danh sách gồm 04 sản phẩm./.